



CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Phú Yên, tháng 02/2022

MỤC LỤC

| | |
|--|----|
| I. THÔNG TIN CHUNG | 3 |
| 1. Thông tin khái quát..... | 3 |
| 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh | 3 |
| 3. Mô hình quản trị công ty, cơ cấu bộ máy quản lý..... | 4 |
| 4. Định hướng phát triển..... | 5 |
| 5. Các rủi ro..... | 5 |
| II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021 | 6 |
| 1. Đặc điểm tình hình..... | 6 |
| 2. Tình hình hoạt động kinh doanh..... | 7 |
| 3. Tổ chức và nhân sự..... | 8 |
| 4. Tình hình đầu tư thực hiện dự án | 10 |
| 5. Tình hình tài chính của Công ty năm 2021 | 10 |
| 6. Cơ cấu cổ đông..... | 11 |
| 7. Báo cáo tác động của Công ty đến môi trường và xã hội..... | 12 |
| III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 14 |
| 1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh | 14 |
| 2. Tình hình tài chính..... | 14 |
| 3. Kế hoạch phát triển trong năm 2022 | 15 |
| IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY | 16 |
| 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty | 16 |
| 2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Giám đốc..... | 16 |
| 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị..... | 17 |
| V. QUẢN TRỊ CÔNG TY | 17 |
| 1. Hội đồng quản trị..... | 17 |
| 2. Ban kiểm soát | 21 |
| 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT | 22 |
| VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2021 ĐÃ SOÁT XÉT | 23 |

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN
- Tên tiếng Anh: PHU YEN PETROVIETNAM OIL JOINT STOCK COMPANY
- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN
- Tên viết tắt: PVOIL PHÚ YÊN
- Vốn điều lệ: 86.519.260.000 VNĐ
- Giấy CNĐKDN số: 4400114094
- Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, phường 5, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
- Điện thoại: 0257.3828643 - 3823246
- Website: www.pvoilphuyen.com.vn
- Mã chứng khoán: PPY
- Quá trình hình thành và phát triển:

Thực hiện lộ trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, Công ty Cổ phần Vật tư tổng hợp Phú Yên – tiền thân của Công ty TNHH một thành viên Vật tư tổng hợp Phú Yên – chính thức đi vào hoạt động từ ngày 21/12/2009, trong đó Tổng công ty Đầu tư & Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) là cổ đông giữ cổ phần chi phối. Hai lĩnh vực hoạt động chính của doanh nghiệp thời điểm này là sản xuất, chế biến nhân hạt điều xuất khẩu và kinh doanh xăng dầu với tổng vốn điều lệ 117 tỷ đồng. Quý 4/2010, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, toàn bộ cổ phần của SCIC tại Công ty Cổ phần Vật tư tổng hợp Phú Yên được chuyển nhượng cho Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOIL) và từ đó PVOIL thay SCIC trở thành cổ đông giữ cổ phần chi phối tại Công ty Cổ phần Vật tư tổng hợp Phú Yên. Để thuận lợi trong việc thoái vốn khỏi những lĩnh vực không phải là ngành nghề kinh doanh chính của PVOIL, ngày 01/8/2011, Công ty Cổ phần Vật tư tổng hợp Phú Yên được chia tách thành hai doanh nghiệp là Công ty Cổ phần Vật tư tổng hợp Phú Yên và Công ty Cổ phần Điều Phú Yên. Không ngoài mục tiêu kịp thời hội nhập vào các định chế, quy định của PVOIL trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, ngày 20/12/2011, Công ty Cổ phần Vật tư tổng hợp Phú Yên, vốn điều lệ 82,4 tỷ đồng, được đổi tên thành Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên. Thương hiệu PVOIL Phú Yên cùng tên gọi mới chính thức hiện hữu trên thương trường từ thời điểm 01/01/2012. Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị, ngày 20/12/2011 cũng được chọn là ngày thành lập Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên.

Như vậy Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên được kế thừa thế mạnh của đơn vị tiền thân là Công ty Cổ phần Vật tư tổng hợp Phú Yên trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu tại khu vực duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên.

Ngày 19/01/2016, Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên chính thức niêm yết tại sàn HNX với mã cổ phiếu là PPY và bắt đầu giao dịch kể từ 02/3/2016.

- Những thành tích đạt được:

- + 1988: Huân chương lao động Hạng 3
- + 1994: Huân chương lao động Hạng 2
- + 1999: Huân chương lao động Hạng 1

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

a) Ngành nghề kinh doanh

PVOIL Phú Yên hoạt động trong các lĩnh vực chính sau:

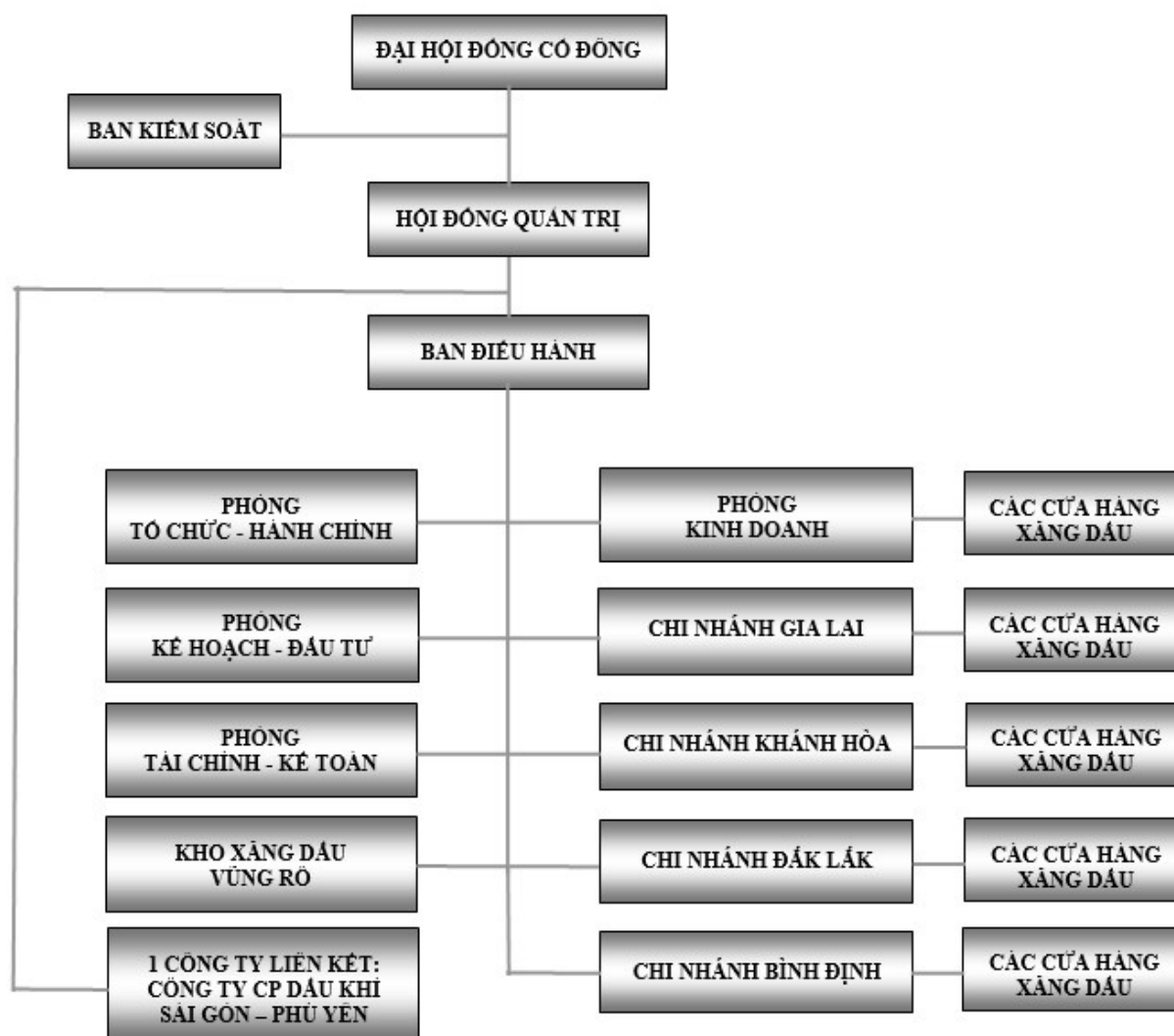
- Mua bán xăng, dầu và các sản phẩm liên quan.
- Cho thuê kho
- Dịch vụ phi xăng dầu: rửa xe và bảo dưỡng xe ô tô, xe máy...

b) Địa bàn kinh doanh

Địa bàn hoạt động của PVOIL Phú Yên trải dài ở các tỉnh: Phú Yên, Bình Định, Gia Lai, Đắk Lắk, Khánh Hòa với 53 CHXD chuyên kinh doanh các mặt hàng: Xăng RON95-III, Xăng E5 RON92-II, Dầu DO 0,05S-II, Dầu lửa và các loại dầu mỡ nhờn mang thương hiệu PVOIL LUBE.

3. Mô hình quản trị công ty, cơ cấu bộ máy quản lý

Mô hình quản trị công ty áp dụng theo Khoản a Điều 137 Luật Doanh nghiệp với mô hình tổ chức bộ máy như sơ đồ sau:



❖ Thông tin công ty con: Không có

❖ Thông tin về công ty liên kết:

Công ty có vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn – Phú Yên có trụ sở chính tại thôn Vũng Rô, xã Hòa Xuân Nam, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên, hoạt động kinh doanh chính trong lĩnh vực khí dầu hóa lỏng, chiết nạp khí dầu hóa lỏng. Tỷ lệ vốn góp của Công ty tại đây chiếm 39% vốn điều lệ.

4. Định hướng phát triển

a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Bảo toàn và phát triển vốn góp của chủ sở hữu; đảm bảo tối đa lợi ích của cổ đông.

- Xây dựng thương hiệu PVOIL Phú Yên trở thành một trong những thương hiệu hàng đầu khu vực duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên về lĩnh vực kinh doanh phân phối xăng dầu.

- Xây dựng đội ngũ CBCNV giàu kinh nghiệm, chuyên môn cao.

b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Đẩy mạnh đầu tư phát triển CHXD dưới nhiều hình thức, song song với việc đảm bảo tài chính luôn được cân đối, bảo toàn và phát triển vốn.

- Giữ vững thị trường truyền thống, mở rộng mạng lưới phân phối sang nhiều địa phương khác, đẩy mạnh tiêu thụ vào các kênh phân phối trực tiếp mang tính ổn định, bền vững.

- Tăng cường công tác đào tạo, đảm bảo nguồn nhân lực đủ sức cạnh tranh trong giai đoạn hội nhập khu vực và quốc tế thời gian tới.

c) Mục tiêu đối với xã hội, cộng đồng

Công ty luôn hướng tới mục tiêu phát triển kinh doanh gắn liền với bảo vệ môi trường, trú trọng đẩy mạnh tiêu thụ nhiên liệu sinh học thay thế các sản phẩm xăng dầu truyền thống theo chiến lược của Tổng công ty và lộ trình của Chính phủ. Đồng thời, chấp hành tốt và có những hành động thiết thực với vấn đề môi trường, xã hội và cộng đồng.

5. Các rủi ro

a) Rủi ro về mặt kinh tế:

- Là một Công ty kinh doanh xăng dầu, nguyên liệu đầu vào cho nhiều ngành sản xuất, tăng trưởng của nền kinh tế nói chung sẽ tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty;

- Đại dịch Covid-19 đã dẫn đến suy thoái toàn cầu, gây bất ổn các thị trường tài chính và hàng hóa. Giá dầu diễn biến phức tạp tác động đến tăng trưởng tín dụng, tâm lý và kỳ vọng thị trường.

b) Rủi ro lãi suất:

- Đối với một doanh nghiệp, rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó.

- Năm 2021 Ngân hàng Nhà nước đã giảm lãi suất 3 lần với tỷ lệ giảm từ 1-2% mỗi đợt, đây là mức giảm sâu so với các nước trong khu vực. Ngoài ra, Ngân hàng Nhà nước cũng đã kêu gọi các tổ chức tín dụng giảm lãi suất đối với các khoản vay cũ và vay mới cho doanh nghiệp và người dân và đã giảm tới 1,66% so với thời điểm trước dịch. Chính sách ổn định vĩ mô về lãi suất trong năm của Chính phủ đã giúp Công ty tránh được rủi ro về lãi suất.

c) Rủi ro về chính sách:

- Hoạt động kinh doanh của Công ty có liên quan mật thiết với giá dầu thô và xăng dầu trên thị trường thế giới. Tuy nhiên, hoạt động kinh doanh xăng dầu trong

nước vẫn đang chịu sự quản lý điều hành của Chính phủ. Trong những năm gần đây, công tác điều hành đã thể hiện sự minh bạch và tiếp cận thị trường, tuy nhiên vẫn còn những bất cập, tiềm ẩn rủi ro nhất định cho doanh nghiệp.

- Xăng E5 RON92 được đưa vào kinh doanh thay thế hoàn toàn xăng RON92 kể từ ngày 01/01/2018, tuy nhiên Chính phủ chưa có giải pháp đồng bộ để khuyến khích người dân và doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm này nên sản lượng tiêu thụ chưa đạt kỳ vọng, ảnh hưởng đến công suất và sản lượng pha chế của Công ty trong năm qua.

c) Rủi ro cháy nổ, ô nhiễm môi trường:

Kinh doanh xăng dầu là lĩnh vực có nguy cơ cao về sự cố cháy, nổ, hỏa hoạn, ô nhiễm môi trường..., nếu xảy ra sẽ để lại hệ lụy nặng nề đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Để hạn chế và kiểm soát rủi ro đặc thù này, Công ty đã trang bị hệ thống phòng cháy chữa cháy theo đúng quy định, tổ chức lực lượng chữa cháy tại chỗ và diễn tập định kỳ, thuê đơn vị chuyên ngành triển khai các giải pháp phòng, chống tràn dầu và mua đầy đủ các loại bảo hiểm rủi ro tài sản, bảo hiểm cháy nổ....

d) Rủi ro khác:

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, hoạt động của Công ty có thể chịu ảnh hưởng của thiên tai như động đất, dịch bệnh, bão lũ,... Thêm vào đó nguồn hàng xăng dầu trôi nổi trên thị trường vẫn chưa được kiểm soát triệt để đã trực tiếp ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

1. Đặc điểm tình hình

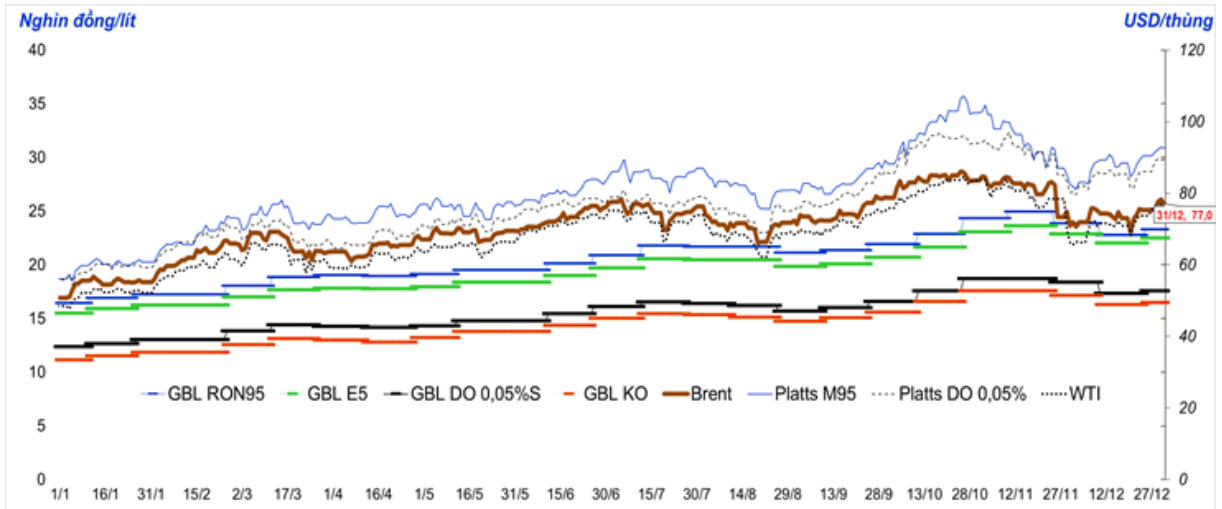
Năm 2021, thế giới tiếp tục chịu ảnh hưởng nặng nề từ đại dịch Covid-19 bắt chập các biện pháp tiêm chủng vaccine và hàng loạt chính sách kích cầu kinh tế của chính phủ các nước. Tuy việc tiêm chủng vaccine đã phần nào ngăn ngừa được sự nguy hiểm của đại dịch nhưng những biến thể mới (Delta, Omicron,...) với sự lây lan nhanh vẫn khiến các quốc gia dè dặt trong việc mở cửa đất nước, làm nhu cầu đi lại và tiêu thụ xăng dầu thế giới chưa thể hồi phục như kỳ vọng.

Trong nước, sau thời gian dài kiểm soát tốt dịch bệnh, sự xuất hiện của chủng Delta với mức độ lây lan gấp nhiều lần đã làm dịch bùng phát nghiêm trọng trên diện rộng, trong đó có Phú Yên, Gia Lai là các địa bàn hoạt động chính của Công ty. Các biện pháp giãn cách, cách ly xã hội kéo dài tại nhiều địa phương trên cả nước làm đình trệ các hoạt động sản xuất kinh doanh, vận chuyển... tiêu thụ xăng dầu sụt giảm mạnh.

Giá dầu thô trong năm có mức phục hồi ấn tượng trong 6 tháng đầu năm nhờ một số nền kinh tế lớn khôi phục hoạt động sau đại dịch, giá dầu tiếp tục giữ đà tăng trong 6 tháng cuối năm, đặc biệt là trong quý IV do chịu ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng nguồn cung năng lượng toàn cầu.

Giá dầu Brent DTD trung bình năm 2021 tăng 69% so với năm 2020 kéo theo giá mặt hàng xăng dầu tăng tương ứng. Trong nước, giá bán lẻ xăng dầu tăng từ 38-42% so với thời điểm cuối năm 2020

Diễn biến giá dầu thế giới và điều hành giá bán lẻ của Nhà nước năm 2021 như sau:



Thị trường xăng dầu trong nước dưới sự điều hành của Chính phủ đã có bước cải thiện đáng kể, cạnh tranh lành mạnh hơn sau hàng loạt nỗ lực kiểm soát thị trường, ngăn chặn các hoạt động phi pháp trong sản xuất pha chế và nhập khẩu lậu xăng dầu. Đây là điểm sáng giúp các doanh nghiệp kinh doanh chân chính như PVOIL Phú Yên giữ vững sản lượng và hiệu quả trong bối cảnh nhu cầu tiêu thụ sụt giảm nghiêm trọng do ảnh hưởng của đại dịch.

2. Tình hình hoạt động kinh doanh

Công ty triển khai thực hiện kế hoạch 2021 theo theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp thường niên năm 2021.

Từ cuối quý 2 và kéo dài đến hết quý 3/2021, tình hình dịch Covid-19 bùng phát mạnh và lan rộng. Nhiều tỉnh thành, trong đó có các tỉnh thuộc địa bàn kinh doanh chính của Công ty như Phú Yên, Gia Lai phải thực hiện giãn cách xã hội tăng cường theo Chỉ thị 16 và 16+ của Chính phủ dẫn đến nhu cầu tiêu thụ sụt giảm mạnh, hoạt động kinh doanh xăng dầu của PVOIL Phú Yên không thể tránh khỏi những tác động tiêu cực kếp từ đại dịch Covid-19. Với sự nỗ lực không ngừng của Ban điều hành và tập thể CBCNV Công ty, Công ty đa cơ bản hoàn thành và hoàn thành vượt mức các mục tiêu kế hoạch chủ yếu, cụ thể như sau:

| T | Chỉ tiêu | ĐVT | Thực hiện 2020 | Kế hoạch 2021 | Thực hiện 2021 | So với TH 2020 (%) | % hoàn thành KH |
|---|----------------------|-----------|----------------|---------------|----------------|--------------------|-----------------|
| 1 | Sản lượng xăng dầu | Nghìn lít | 161.599 | 165.000 | 161.125 | 100 | 98 |
| 2 | Doanh thu | Tỷ đồng | 1.473 | 1.598 | 2.030 | 138 | 127 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 11,62 | 11,00 | 21,07 | 181 | 192 |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 9,77 | | 16,85 | 172 | |

Về sản lượng: Sản lượng xăng dầu thực hiện năm 2021 đạt 161,1 ngàn m³, hoàn thành 98% kế hoạch và tương đương so với cùng kỳ. Đây là kết quả rất đáng khích lệ trong bối cảnh nhu cầu tiêu thụ sụt giảm mạnh do ảnh hưởng từ đại dịch.

Về doanh thu: Tổng doanh thu năm 2021 đạt 2.030 tỷ đồng, đạt 127% kế hoạch năm. Doanh thu tăng chủ yếu do giá xăng dầu tăng so với giá dự kiến tại thời điểm xây dựng kế hoạch.

Về lợi nhuận: Lợi nhuận trước thuế năm 2021 đạt 21,07 tỷ đồng bằng 192% kế hoạch giao (11 tỷ đồng). Lợi nhuận có tăng trưởng vượt bậc trong khi sản lượng tiêu thụ giảm chủ yếu nhờ giá xăng dầu phục hồi mạnh mẽ.

3. Tổ chức và nhân sự

a) Ban điều hành:

Gồm 04 người:

Ông Ngô Văn Nhiệm, Giám đốc

Ngày sinh: 09/5/1978

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm nghề nghiệp

Ông có gần 17 năm công tác tại Tổng công ty Dầu Việt Nam sau khi tốt nghiệp đại học. Trải qua các vị trí từ chuyên viên, lãnh đạo cấp trung đến tham gia quản lý điều hành nhiều đơn vị thành viên của Tổng công ty Dầu Việt Nam như: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh, Phó Giám đốc Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Kiên Giang, Giám đốc Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh. Tháng 8/2021 Ông được Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP điều động về Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên giữ cương vị Giám đốc. Ông tiếp tục đảm nhận vị trí thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên từ 06/12/2021 đến nay.

Ông Ngô Văn Nhiệm là người đại diện vốn PVOIL tại PVOIL Phú Yên với 2.100.030 cổ phần (tương đương 24,27%VĐL) và không sở hữu cổ phần tại PVOIL Phú Yên.

Ông Trần Văn Hay, Phó Giám đốc

Ngày sinh: 12/10/1974

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm nghề nghiệp:

Ông có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán và đã gắn bó với Công ty từ những ngày đầu thành lập với cương vị Kế toán trưởng Công ty. Tháng 8/2015 ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó giám đốc Công ty. Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 ông được bầu chọn làm thành viên HĐQT và kiêm nhiệm vị trí đó cho đến hiện tại.

Hiện Ông Trần Văn Hay không có cổ phần sở hữu tại PVOIL Phú Yên.

Ông Võ Nguyên Hợp, Phó Giám đốc

Ngày sinh: 27/8/1981

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm nghề nghiệp:

Ông có nhiều năm kinh nghiệm quản lý kinh doanh xăng dầu, đảm nhiệm vị trí trưởng phòng kinh doanh của công ty từ tháng 3/2011. Đến tháng 8/2015 ông được bổ nhiệm phó giám đốc Công ty phụ trách kinh doanh và giữ cương vị này cho đến hiện tại.

Ông Võ Nguyên Hợp đang nắm giữ 591 cổ phần (tương đương 0,01%VĐL) là sở hữu cá nhân.

Bà Nguyễn Thị Hồng Phương, Kế toán trưởng

Ngày sinh: 01/02/1985

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

Kinh nghiệm nghề nghiệp:

Gia nhập PVOIL Phú Yên từ tháng 05/9/2021 với vị trí chuyên viên Kế toán tổng hợp, đến tháng 9/2015 Bà được bổ nhiệm giữ vị trí phó Phòng Tài chính – Kế toán và được giao nhiệm vụ Phụ trách phòng kế toán từ tháng 10/2019. Bà được chính thức bổ nhiệm làm Kế toán trưởng và điều hành Phòng Tài chính – Kế toán Công ty từ tháng 02/2020 đến nay.

Bà Nguyễn Thị Hồng Phương đang nắm giữ 315 cổ phần (tương đương 0,003%VĐL) là sở hữu cá nhân.

b) Những thay đổi trong ban điều hành

Trong năm 2021 PVOIL Phú Yên có thay đổi về nhân sự Ban điều hành như sau:

| TT | Họ và tên | Vị trí | Ngày bổ nhiệm, miễn nhiệm |
|----|----------------------|--|---------------------------|
| 1 | Ông Nguyễn Thái Định | Thôi làm Giám đốc Công ty để nghỉ hưởng chế độ hưu trí | Miễn nhiệm ngày 01/8/2021 |
| 2 | Ông Ngô Văn Nhiệm | Giám đốc Công ty | Bổ nhiệm ngày 01/8/2021 |

c) Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

Tính đến 31/12/2021, số lượng CBCNV toàn Công ty là 286 người, tăng 05 người so thời điểm 31/12/2020, toàn bộ là nhân sự bổ sung cho CHXD phát triển mới.

Chính sách đối với người lao động được duy trì ổn định trong nhiều năm qua, tuân thủ tuyệt đối các quy định hiện hành của Nhà nước và các thỏa ước nội bộ với người lao động. Tóm tắt chính sách đối với người lao động như sau:

❖ Chính sách tuyển dụng

- Với tiêu chí lấy người lao động làm nền tảng và động lực cho sự phát triển của Công ty, PVOIL Phú Yên luôn chú trọng đến công tác tuyển dụng đầu vào, đảm bảo đủ năng lực và trình độ phục vụ cho định hướng phát triển của Công ty.

- Công ty chủ trương đưa ra mức lương cạnh tranh nhằm thu hút nguồn lao động có chất lượng cao, có thâm niên và kinh nghiệm nghề nghiệp nhằm xây dựng đội ngũ quản lý giàu kinh nghiệm, mang lại hiệu quả cao trong công việc.

❖ Chính sách đào tạo

- Phát triển nguồn nhân lực theo hướng chuyên nghiệp hoá thông qua việc tập trung công tác đào tạo tay nghề cho người lao động, đào tạo trình độ chuyên môn theo tiêu chuẩn, kỹ năng làm việc.

- Tạo điều kiện thuận lợi để người lao động được tiếp cận, cập nhật những kiến thức mới.

- Triển khai kế hoạch đào tạo với nhiều nội dung cho tất cả đối tượng, dưới nhiều hình thức đa dạng, chủ yếu đào tạo chuyên môn sâu. Tăng cường đào tạo nội bộ để nâng cao tay nghề bằng việc hợp tác với các tổ chức đào tạo uy tín trong nước.

❖ Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

- Chính sách lương thưởng là một trong những chính sách quan trọng nhằm thu

hút, duy trì và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, góp phần ổn định và phát triển hoạt động kinh doanh. Công ty không chỉ xây dựng chính sách lương thưởng dựa trên mặt bằng lương chung của thị trường, cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành, phù hợp với yêu cầu và khối lượng công việc thực tế mà còn xây dựng chính sách, cơ chế lương thưởng đãi ngộ riêng đối với nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Bên cạnh chính sách lương thưởng hấp dẫn thì chính sách phúc lợi của Công ty không chỉ tuân thủ đúng, đủ theo yêu cầu pháp luật mà còn bổ sung thêm nhiều chế độ khác ưu đãi khác.

- PVOIL Phú Yên xây dựng chính sách lương dựa trên nguyên tắc đảm bảo công bằng, cạnh tranh và hợp lý với phương pháp đánh giá theo năng lực, vị trí, hiệu quả công việc. Song song với đó, hằng năm PVOIL Phú Yên còn thực hiện công tác rà soát, kiểm tra tình hình an toàn lao động, đảm bảo sức khỏe cho toàn thể CBCNV trong Công ty.

- Công tác khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho CBCNV được Công ty duy trì.

- Ngoài ra PVOIL Phú Yên còn tổ chức các hoạt động như Hội thao, Hội thi, ... nhằm tạo ra sân chơi lành mạnh, kích lệ tinh thần một cách hiệu quả, an toàn, tiết kiệm, giúp tái tạo sức lao động để bắt đầu lại công việc hăng hái hơn.

4. Tình hình đầu tư thực hiện dự án

Trong năm 2021, Công ty thực hiện đầu tư 15,794 tỷ đồng (vốn chủ sở hữu 8,614 tỷ đồng, vốn vay 7,180 tỷ đồng).

Công ty đã triển khai xây mới 03 CHXD trong năm 2021 theo kế hoạch, tuy nhiên do đại dịch làm đình trệ nhiều hoạt động gây chậm tiến độ dự án, công ty mới chỉ hoàn thành và đưa vào hoạt động được 01 cửa hàng trong năm 2021 và 02 cửa hàng chuyển tiếp qua năm 2022.

Bên cạnh đó, Công ty đã hoàn thành nâng cấp và đưa vào sử dụng tuyến đường vào Kho Xăng dầu Vũng Rô (đã bị tàn phá do bão từ năm 2017) và xúc tiến nghiên cứu khả thi dự án mở rộng sức chứa Kho thêm 8000 m³ để đáp ứng nhu cầu cung ứng xăng dầu cho khu vực duyên hải Miền Trung và Tây Nguyên.

5. Tình hình tài chính của Công ty năm 2021

a) Tình hình tài chính

| Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2020 | Năm 2021 | % tăng/giảm |
|----------------------|---------|----------|----------|-------------|
| Tổng tài sản | Tỷ đồng | 222,4 | 260,4 | 17,1 |
| Doanh thu thuần | Tỷ đồng | 1.473,3 | 2.030,4 | 37,8 |
| Lợi nhuận thuần HĐKD | Tỷ đồng | 7,2 | 14,5 | 101,6 |
| Lợi nhuận khác | Tỷ đồng | 4,4 | 6,6 | 48,9 |
| Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 11,6 | 21,1 | 81,6 |
| Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 9,8 | 16,8 | 71,9 |
| Tỷ lệ cổ tức | % | 6,5 | | |
| EPS | Đồng | 847 | 1.661 | 96,1 |

b) Các chỉ số tài chính

| Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2020 | Năm 2021 |
|--|-----|----------|----------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| - Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn) | Lần | 1,260 | 1,347 |

| | | | |
|--|------|--------|--------|
| - Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn) | Lần | 0,815 | 0,793 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| - Hệ số nợ phải trả/tổng tài sản | Lần | 0,413 | 0,472 |
| - Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu | Lần | 0,703 | 0,893 |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| - Vòng quay hàng tồn kho (giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bình quân) | Vòng | 45,761 | 42,777 |
| - Doanh thu thuần/tổng tài sản | Lần | 6,624 | 7,797 |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần | % | 0,007 | 0,008 |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE) | % | 0,075 | 0,122 |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản (ROA) | % | 0,044 | 0,065 |
| - Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần | % | 0,006 | 0,007 |

6. Cơ cấu cổ đông

a) Thông tin cổ phiếu

Vốn điều lệ của Công ty được tăng từ 82.400.000.000 đồng lên 86.519.260.000 đồng từ ngày 17/02/2021 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp CTCP mã số 4400114094 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp ngày 17/02/2021, sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của PPY tại văn bản số 305/UBCK-QLCB ngày 27/01/2021.

Thông tin về cổ phiếu của Công ty tại 31/12/2021 như sau:

- Vốn điều lệ: 86.519.260.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 8.651.926 cổ phiếu
- Cổ phiếu phổ thông: 8.651.926 cổ phiếu
- Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 8.651.926 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

b) Cơ cấu cổ đông (chốt tại ngày 10/11/2021)

| TT | Loại cổ đông | Số lượng cổ đông | Số cổ phần (cp) | Giá trị (*) (nghìn đồng) | Tỉ lệ sở hữu (%) |
|------------------|------------------------|------------------|------------------|--------------------------|------------------|
| 1 | Cổ đông trong nước | 277 | 8.649.505 | 86.495.050.000 | 99,97 |
| - | <i>Cổ đông tổ chức</i> | <i>03</i> | <i>5.808.097</i> | <i>58.080.970.000</i> | <i>67,13</i> |
| - | <i>Cổ đông cá nhân</i> | <i>274</i> | <i>2.841.408</i> | <i>28.414.080.000</i> | <i>32,84</i> |
| 2 | Cổ đông nước ngoài | 05 | 2.421 | 24.210.000 | 0,03 |
| - | <i>Cổ đông tổ chức</i> | <i>03</i> | <i>1.521</i> | <i>15.210.000</i> | <i>0,02</i> |
| - | <i>Cổ đông cá nhân</i> | <i>02</i> | <i>900</i> | <i>9.000.000</i> | <i>0,01</i> |
| 3 | Cổ phiếu quỹ | - | - | - | - |
| Tổng cộng | | | 8.651.926 | 86.519.260.000 | 100 |

(*) Giá trị theo mệnh giá: 10.000 đồng

Danh sách cổ đông lớn

| TT | Tên cổ đông | Địa chỉ | Số lượng (cp) | Giá trị (*) (nghìn đồng) | Tỉ lệ sở hữu (%) |
|------------------|----------------------------------|--|------------------|--------------------------|------------------|
| 1 | Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP | Lầu 14-17, số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP HCM | 5.807.928 | 58.079.280.000 | 67,13 |
| 2 | Đỗ Tiến Cường | 49 Tam Thanh, TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn | 765.145 | 7.651.450.000 | 8,84 |
| 3 | Lê Thị Liên | | 538.135 | 5.381.350.000 | 6,22 |
| 4 | Nguyễn Văn Mạnh | HS04-18, đường Hoa Sữa 4, Vinhomes Riverside, P. Phúc Lợi, Q. Long Biên, TP Hà Nội | 493.200 | 4.932.000.000 | 5,70 |
| Tổng cộng | | | 7.604.404 | 76.044.080.000 | 88,43 |

(*) Giá trị theo mệnh giá: 10.000 đồng

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty trong năm 2021 có sự thay đổi so với năm 2020. Cụ thể:

Căn cứ Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/6/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên, Công ty thực hiện chia cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu với tỷ lệ chi trả là 5%VĐL.

Sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức tại công văn số 305/UBCK-QLCB ngày 27/01/2021, vốn điều lệ của Công ty tăng từ 82.400.000.000 đồng lên 86.519.260.000 đồng từ ngày 17/02/2021 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp CTCP mã số 4400114094 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp ngày 17/02/2021.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ

Trong năm 2021, Công ty không thực hiện mua lại cổ phiếu quỹ.

7. Báo cáo tác động của Công ty đến môi trường và xã hội

a) Tác động đến môi trường

Ý thức được hoạt động kinh doanh xăng dầu tiềm ẩn nhiều rủi ro cho môi trường, Công ty đã tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, đồng thời triển khai đồng bộ các giải pháp để phòng ngừa và hạn chế rủi ro.

b) Quản lý nguồn nguyên liệu

Mặt hàng kinh doanh chủ yếu của PVOIL Phú Yên là xăng dầu, do đó công tác quản lý nguồn nguyên liệu luôn được Công ty chú trọng. Từ khâu vận chuyển đến quá trình lưu trữ, bán hàng đều phải đảm bảo tính an toàn cao tránh các trường hợp cháy nổ có thể xảy ra. Bên cạnh đó, các chi phí vận chuyển, chi phí lưu kho luôn được quản lý chặt chẽ và đưa ra các chính sách hợp lý nhằm tiết giảm chi phí cho Công ty.

c) Tiêu thụ năng lượng

Tình hình tiêu thụ năng lượng tại PVOIL Phú Yên năm 2021:

| Các nhiên liệu, năng lượng, tiêu thụ | Năm 2020 | | Năm 2021 | |
|--------------------------------------|-----------|-------------------|-----------|-------------------|
| | Sản lượng | Thành tiền (đồng) | Sản lượng | Thành tiền (đồng) |
| Dầu DO (lít) | 6.587 | 52.897.857 | 7.287 | 122.826.554 |
| Nhớt (lít) | 231 | 34.706.883 | 218 | 34.195.182 |
| Điện (Kwh) | 694.737 | 2.107.071.366 | 800.726 | 2.230.304.152 |

Nhiên liệu xuất dùng nội bộ tại Công ty chủ yếu là Dầu DO và Nhớt phục vụ trong quá trình vận chuyển và sử dụng máy nổ khi mất điện lưới.

d) Tiêu thụ nước:

Hoạt động kinh doanh của PVOIL Phú Yên không sử dụng nước cũng như không phát sinh nước thải độc hại. Giá trị thực hiện nước sinh hoạt trong quản lý năm 2021 là 50,55 triệu đồng, giảm 4,95 triệu đồng so với năm 2020, tương ứng giảm 8,92%.

e) Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Việc tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường luôn được Công ty tuân thủ nghiêm túc và được giám sát chặt chẽ. Công tác bảo vệ môi trường vừa là trách nhiệm vừa là nghĩa vụ, quyền lợi đối với việc phát triển bền vững của cộng đồng, xã hội và của Công ty.

- Trong năm 2021, Công ty luôn tôn trọng và tuân thủ các tiêu chuẩn về an toàn, sức khỏe và không để xảy ra các sự cố có liên quan đến môi trường hay có các hành vi vi phạm về môi trường dẫn đến bị xử phạt.

- Ngoài ra, với mục tiêu phát triển bền vững, Công ty luôn có các khoá tập huấn, tuyên truyền bảo vệ môi trường, nâng cao nhận thức về ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng, khuyến khích toàn thể nhân viên chủ động tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường tự nhiên và xã hội bằng những hành động thiết thực và hiệu quả.

f) Chính sách liên quan đến người lao động:

❖ Số lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

✓ Tính đến 31/12/2021, số lượng CBCNV toàn Công ty là 286 người, tăng 05 người so thời điểm 31/12/2020.

✓ Thu nhập bình quân trong năm 2021 của mỗi CBCNV đạt 15,82 triệu đồng/tháng, bằng 121 % thu nhập bình quân năm 2020.

❖ Các chính sách đối với người lao động: xin xem nội dung tại Mục 3, điểm c của phần này

g) Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

- Bên cạnh việc theo đuổi mục tiêu kinh doanh gắn liền với lợi ích của người lao động và các cổ đông Công ty, Lãnh đạo PVOIL Phú Yên còn đặc biệt chú trọng đến trách nhiệm của đơn vị đối với cộng đồng và xã hội.

- Với mong muốn xây dựng xã hội phát triển được thể hiện bằng những hành động thiết thực của Công ty như: hỗ trợ xây nhà tình nghĩa, hỗ trợ các chương trình cho giáo dục, hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ các địa phương phòng chống dịch Covid-19,... Qua đó PVOIL Phú Yên tiếp tục khẳng định thông điệp: Luôn nỗ lực để đem lại những giá trị thiết thực, lâu dài nhằm góp phần nâng cao chất lượng đời sống của cộng đồng.

h) Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Hiện tại Công ty chưa thực hiện báo cáo này do chưa có hướng dẫn cụ thể của UBCKNN

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

a) Kết quả kinh doanh

- Về sản lượng: Tổng sản lượng xăng dầu thực hiện năm 2021 là 161.125 nghìn lít, đạt 98% kế hoạch và tương đương so với cùng kỳ. Nguyên nhân không đạt kế hoạch là do ảnh hưởng của các đợt giãn cách/cách ly xã hội trên địa bàn hoạt động của Công ty làm nhu cầu tiêu thụ xăng dầu sụt giảm mạnh.

- Về doanh thu: Tổng doanh thu năm 2021 đạt 2.030 tỷ đồng, đạt 127% kế hoạch năm. Doanh thu tăng chủ yếu do giá xăng dầu tăng so với giá dự kiến tại thời điểm xây dựng kế hoạch.

- Về lợi nhuận trước thuế năm 2021 đạt 21,07 tỷ đồng bằng 192% kế hoạch giao (11 tỷ đồng). Lợi nhuận vượt mức kế hoạch chủ yếu nhờ sự phục hồi mạnh mẽ của giá dầu và các biện pháp tiết giảm chi phí của Công ty.

Với sự nỗ lực, bám sát địa bàn kinh doanh, Công ty đã giữ vững hệ thống khách hàng hiện tại đồng thời phát triển thêm một số khách hàng mới ở cả hai kênh bán buôn và bán lẻ, nguồn vốn và công nợ trong kinh doanh luôn đảm bảo; Chính việc nâng cao năng suất lao động và duy trì hiệu quả kinh doanh đã góp phần cải thiện đời sống, thu nhập của CBCNV Công ty.

b) Công tác đầu tư

Số CHXD đang hoạt động là 53, tăng 01 CHXD so với thời điểm 31/12/2020, hoàn thành 50% chỉ tiêu phát triển CHXD trong năm. Trong năm công ty triển khai xây dựng mới 03 CHXD, tuy nhiên do ảnh hưởng dịch bệnh trên địa bàn làm đình trệ nhiều hoạt động nên mới hoàn thành đưa vào hoạt động được 01 cửa hàng, 03 dự án cửa hàng còn lại đã và sẽ đưa vào hoạt động trong quý 1/2022.

c) Các công tác khác:

- Đã không để xảy ra sự cố mất an toàn trong quá trình vận hành của Kho. Vòng quay của Kho đạt 1,89 vòng/tháng. Tổng lượng hàng hóa (Dầu DO và Xăng RON95) tiết giảm hao hụt được 468,95 m³, giá trị tương ứng 5,49 tỷ đồng.

- Công tác kiểm soát tiền hàng, công nợ thực hiện tốt. Tỷ lệ nợ khó đòi bằng 0,91% tổng nợ phải thu khách hàng.

- Công tác an toàn, sức khỏe, môi trường được chú trọng và triển khai tích cực, không có tai nạn sự cố xảy ra gây thiệt hại cho con người, tài sản, môi trường cũng như uy tín của Công ty. Công tác bảo hộ lao động được thực hiện đầy đủ và đúng quy định.

❖ Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

✓ Áp dụng các giải pháp công nghệ mới, nâng cấp cần xuất xăng RON 95 từ cơ sang điện tử Kho Xăng dầu Vũng Rô, nhằm giảm thời gian giao nhận, giảm hao hụt xăng dầu, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

✓ Tăng cường đào tạo nội bộ để kịp thời đáp ứng yêu cầu công việc ngày càng cao, phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

| Chỉ tiêu | ĐVT | 31/12/2020 | 31/12/2021 |
|------------------|---------|------------|------------|
| Tài sản ngắn hạn | Tỷ đồng | 102,36 | 128,44 |
| Tài sản dài hạn | Tỷ đồng | 120,06 | 131,97 |
| Tổng tài sản | Tỷ đồng | 222,42 | 260,41 |

Tổng tài sản của Công ty năm 2021 là 260,41 tỷ đồng, tăng 38 tỷ đồng, tương ứng tăng 17,1% so với năm 2020. Trong đó:

- Tài sản ngắn hạn tăng 26,1 tỷ đồng, tương ứng tăng 25,5% chủ yếu tại chỉ tiêu các khoản phải thu khách hàng và hàng tồn kho.

- Tài sản dài hạn tăng 11,9 tỷ đồng, tương ứng tăng 10% chủ yếu tại chỉ tiêu tài sản cố định và chi phí trả trước dài hạn từ việc tái tục các hợp đồng thuê cửa hàng xăng dầu.

b) Tình hình nợ phải trả

| Chỉ tiêu | ĐVT | 31/12/2020 | 31/12/2021 |
|------------------|---------|------------|------------|
| Nợ ngắn hạn | Tỷ đồng | 81,23 | 95,37 |
| Nợ dài hạn | Tỷ đồng | 10,60 | 27,46 |
| Tổng nợ phải trả | Tỷ đồng | 91,83 | 122,83 |

Trong năm 2021, tổng nợ phải trả của Công ty là 122,83 tỷ đồng tăng 31 tỷ đồng, tương ứng tăng 33,8% so với năm 2020. Nguyên nhân chủ yếu:

✓ Đối với nợ ngắn hạn: Các chỉ tiêu tăng từ phải trả người bán từ nguồn mua xăng dầu của Công ty mẹ và các khoản phải nộp nhà nước 10,45 tỷ đồng, còn lại các khoản phải trả ngắn hạn khác lương, vay ngắn hạn...

✓ Đối với nợ dài hạn: Tăng do Công ty vay để đầu tư cho các dự án XD CB trong năm theo kế hoạch.

3. Kế hoạch phát triển trong năm 2022

a) Kế hoạch kinh doanh

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | TH 2021 | KH 2022 | Tỷ lệ (%) KH 2022/TH2021 |
|----|----------------------|-----------|---------|---------|--------------------------------|
| 1 | Sản lượng xăng dầu | Nghìn lít | 161.125 | 167.000 | 103,6 |
| 2 | Doanh thu | Tỷ đồng | 2.030 | 1.818 | 89,5 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 21,07 | 12,80 | 60,8 |

b) Kế hoạch đầu tư

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | TH 2021 | KH 2022 | Tỷ lệ (%) KH 2022/TH2021 |
|----|--|---------|---------|---------|--------------------------------|
| 1 | Đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm thiết bị | Tỷ đồng | 15,8 | 80,9 | 512,0 |
| - | Vốn chủ sở hữu | Tỷ đồng | 8,6 | 29,0 | 337 |
| - | Vốn vay và huy động khác | Tỷ đồng | 7,2 | 51,9 | 720,8 |
| 2 | Số CHXD phát triển trong năm | CHXD | 1 | 3 | 300 |

Các hạng mục đầu tư chính:

- Đầu tư mở rộng Kho Xăng dầu Vũng Rô

- Đầu tư xây dựng mới 03 CHXD
- Mua mới xe bồn thể tích bồn 20m³-25m³
- Nâng cấp cần xuất xăng RON 95 cơ thành cần xuất điện tử.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Hoạt động kinh doanh của PVOIL Phú Yên trong năm 2021 không tránh khỏi những tác động tiêu cực trực tiếp từ đại dịch Covid-19 và gián tiếp từ việc tăng trưởng chậm của cả nền kinh tế. Với sự nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên và hỗ trợ từ công ty mẹ - Tổng công ty Dầu Việt Nam, PVOIL Phú Yên đã hoàn thành tốt nhiệm vụ kế hoạch năm 2021 được ĐHĐCĐ giao, đảm bảo an toàn, hiệu quả trong mọi mặt hoạt động của Công ty; nâng cao chất lượng quản trị hệ thống; đẩy mạnh các hoạt động vì cộng đồng, cụ thể:

❖ Về kinh doanh

- Giữ ổn định thị trường và các kênh tiêu thụ, tìm kiếm thêm khách hàng mới thông qua việc vận dụng linh hoạt các công cụ về chiết khấu và đầu tư cơ sở vật chất.
- Sản lượng kinh doanh duy trì tương đương so với cùng kỳ trong bối cảnh nhu cầu tiêu thụ toàn thị trường sụt giảm mạnh là kết quả rất đáng khích lệ.
- Chất lượng dịch vụ tại Kho Xăng dầu Vũng Rô và các CHXD được đảm bảo.

❖ Về tài chính

- Công ty đã sử dụng linh hoạt và hiệu quả nguồn lực về vốn và tài sản
- Công tác kiểm soát tiền hàng, công nợ được trú trọng, trong năm Công ty không để phát sinh nợ xấu và tiếp tục thu hồi được 1 tỷ đồng công nợ khó đòi.
- Thực hiện tốt công tác kiểm soát, tiết giảm hao hụt hàng hóa ở các khâu xuất-nhập-tồn và tăng cường tiết kiệm, chống lãng phí.

❖ Về đầu tư phát triển và duy tu bảo dưỡng

Công tác duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa thực hiện theo đúng kế hoạch và tuân thủ các quy chế nội bộ của Công ty.

Tổ chức thực hiện nghiêm túc các qui định về công bố thông tin đối với công ty đại chúng niêm yết.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Giám đốc

Trong điều hành hoạt động của Công ty, Giám đốc và ban điều hành đã tuân thủ đúng Điều lệ Công ty, nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT và các quy định của pháp luật. Cụ thể:

- Giám đốc và ban điều hành đã hoàn thành tốt việc điều hành hoạt động của Công ty theo đúng nội dung nghị quyết ĐHĐCĐ và chỉ đạo của HĐQT. Kết quả kinh doanh năm 2021 đạt được khả quan trong bối cảnh thị trường xăng dầu tiếp tục diễn biến phức tạp bởi dịch Covid-19 đã góp phần giữ vững sự ổn định, củng cố niềm tin từ người lao động, đối tác, khách hàng của Công ty.

- Trong quá trình điều hành hoạt động của Công ty, Giám đốc đã tuân thủ đúng phân cấp tại Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty; đã có nhiều giải pháp điều hành linh hoạt, kịp thời, phù hợp với chủ trương, định hướng của HĐQT và diễn biến thị trường xăng dầu nhằm đạt được những mục tiêu kế hoạch năm 2021 của Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

a) Về kinh doanh

- Giữ ổn định thị trường và các kênh tiêu thụ, nắm bắt cơ hội để tiếp tục mở rộng mạng lưới phân phối xăng dầu trên địa bàn hoạt động tại 5 tỉnh duyên hải Miền Trung và Tây Nguyên của Công ty;

- Tiếp tục gia tăng mạnh sản lượng và tỷ trọng bán lẻ tại CHXD;

- Giữ vững uy tín và đẩy mạnh quảng bá thương hiệu PVOIL Phú Yên.

- Tiếp tục duy trì ổn định và nâng cao chất lượng dịch vụ tại Kho Xăng dầu Vũng Rô và dịch vụ bán lẻ tại các CHXD, chú trọng công tác chăm sóc khách hàng.

b) Về tài chính

- Sử dụng linh hoạt và hiệu quả nguồn lực về vốn và tài sản của Công ty.

- Tăng cường tiết kiệm, chống lãng phí, tiết giảm chi phí hao hụt.

- Tăng cường kiểm soát tiền hàng, công nợ; hạn chế phát sinh nợ xấu và tích cực thu hồi nợ khó đòi.

c) Về đầu tư xây dựng cơ bản và duy tu bảo dưỡng

Tiếp tục đẩy mạnh phát triển hệ thống CHXD theo hình thức sở hữu lâu dài, triển khai mở rộng kho xăng dầu Vũng Rô theo kế hoạch, đảm bảo tiến độ và hiệu quả.

d) Các hoạt động khác

Đảm bảo tuyệt đối về an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ tại mọi địa điểm hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

Duy trì công tác an sinh xã hội, chia sẻ cộng đồng với các hoạt động thiết thực và hiệu quả.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu HĐQT

Cơ cấu HĐQT nhiệm kỳ 2020 – 2025 gồm 05 thành viên, trong đó có 01 thành viên độc lập

Ông Nguyễn Anh Toàn, Chủ tịch

Ngày sinh: 17/9/1962

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm nghề nghiệp:

Gia nhập ngành Dầu khí từ năm 1996, Ông đã nắm giữ nhiều vị trí quản lý kinh doanh xăng dầu tại Tổng công ty Thương mại kỹ thuật và Đầu tư (Petec), Công ty mẹ Tổng công Dầu Việt Nam – CTCP (PVOIL) và hiện đang là Phó Tổng Giám đốc PVOIL. Tại ĐHĐCĐ thành lập PVOIL Phú Yên (tháng 10/2011), ông được Tổng công ty Dầu Việt Nam giới thiệu và ĐHĐCĐ thống nhất bầu làm thành viên HĐQT Công ty và giữ cương vị này đến hiện tại. Ông đồng thời đang kiêm Chủ tịch HĐQT ba công ty thành viên của PVOIL là PVOIL Vũng Áng, PVOIL Cái Lân và PVOIL Lào.

Ông Nguyễn Anh Toàn là người đại diện vốn PVOIL tại PVOIL Phú Yên với 2.162.982 cổ phần (tương đương 25%VĐL của PVOIL Phú Yên) và hiện không sở

hữu cổ phần tại PVOIL Phú Yên.

Ông Ngô Văn Nhiệm, Thành viên

Ngày sinh: 09/5/1978

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm nghề nghiệp

Ông có gần 17 năm công tác tại Tổng công ty Dầu Việt Nam sau khi tốt nghiệp đại học. Trải qua các vị trí từ chuyên viên, lãnh đạo cấp trung đến tham gia quản lý điều hành nhiều đơn vị thành viên của Tổng công ty Dầu Việt Nam như: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh, Phó Giám đốc Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Kiên Giang, Giám đốc Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh. Tháng 8/2021 Ông được Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP điều động về Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên giữ cương vị Giám đốc. Ông tiếp tục đảm nhận vị trí thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên từ 06/12/2021 đến nay.

Ông Ngô Văn Nhiệm là người đại diện vốn PVOIL tại PVOIL Phú Yên với 2.100.030 cổ phần (tương đương 24,27%VĐL của PVOIL Phú Yên) và không sở hữu cổ phần tại PVOIL Phú Yên.

Bà Mai Bích Thủy, Thành viên

Ngày sinh: 20/12/1972

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Sinh thái Môi trường, Cử nhân Kinh tế Ngoại thương

Kinh nghiệm nghề nghiệp:

Bà Thủy đã có hơn 28 năm gắn bó với ngành Dầu khí, trong đó có hơn 13 năm công tác trong lĩnh vực xăng dầu tại Công ty mẹ PVOIL và hiện đang là Phó ban Kế hoạch PVOIL. Tháng 5/2013, bà được PVOIL giới thiệu và ĐHCĐ thường niên năm 2013 của Công ty bầu làm thành viên HĐQT và giữ cương vị này cho đến hiện tại. Bà đồng thời đang kiêm nhiệm vị trí Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Điều Phú Yên.

Bà Mai Bích Thủy là người đại diện vốn PVOIL tại PVOIL Phú Yên với 1.544.916 cổ phần (tương đương 17,86%VĐL của PVOIL Phú Yên) và không sở hữu cổ phần tại PVOIL Phú Yên.

Ông Trần Văn Hay, Phó Giám đốc

Ngày sinh: 12/10/1974

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm nghề nghiệp:

Ông có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán và đã gắn bó với Công ty từ những ngày đầu thành lập với cương vị Kế toán trưởng Công ty. Tháng 8/2015 ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó giám đốc Công ty. Tại ĐHCĐ thường niên năm 2015 ông được bầu chọn làm thành viên HĐQT và kiêm nhiệm vị trí đó cho đến hiện tại.

Hiện Ông Trần Văn Hay không có cổ phần sở hữu tại PVOIL Phú Yên.

Ông Ma Đức Tú, Thành viên độc lập

Ngày sinh: 10/11/1958

Trình độ chuyên môn: Đại học chuyên ngành Tài chính – Tín dụng

Kinh nghiệm nghề nghiệp:

Với kinh nghiệm quản lý và điều hành tại các Công ty quy mô lớn (Công ty CP Thương mại XNK Thủ Đức, Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Sông Tiền, Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư SMC), Ông Tú được ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 tin tưởng và bầu chọn làm thành viên HĐQT độc lập từ 24/4/2019 cho đến nay.

Ông Ma Đức Tú đang nắm giữ 1.725 cổ phần (tương đương 0,02%VĐL của PVOIL Phú Yên) là cổ phần sở hữu cá nhân.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị không thành lập các tiểu ban trực thuộc.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- HĐQT hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều lệ của Công ty và Luật Doanh nghiệp, Nghị quyết ĐHĐCĐ và tình hình thực tế của công ty để lãnh đạo các mặt hoạt động của Công ty.

- Năm 2021, HĐQT đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, quản lý và giám sát toàn diện các mặt hoạt động kinh doanh của Công ty, cụ thể:

✓ Chủ trì các cuộc họp HĐQT mở rộng với sự tham gia của Giám đốc, Ban điều hành, Ban kiểm soát để nắm bắt tình hình và chỉ đạo kịp thời đối với hoạt động kinh doanh, đầu tư xây dựng, tài chính, nhân sự, tiền lương... của Công ty. Đối với từng vấn đề, HĐQT ban hành nghị quyết để Giám đốc có cơ sở triển khai, đồng thời theo dõi, giám sát, hỗ trợ việc thực hiện.

✓ Thực hiện chương trình giám sát của HĐQT theo các Quy chế hiện hành.

✓ Giám sát việc thực hiện các ý kiến khuyến nghị của Ban kiểm soát và của cổ đông lớn PVOIL.

- Các cuộc họp và lấy ý kiến bằng văn bản (LYK) của HĐQT trong năm 2021:

| TT | Thời gian | Thành viên tham dự/LYK | Nội dung | Kết quả |
|----|------------|------------------------|--|------------------|
| 1 | 18/01/2021 | 5/5 | - Về phương án đầu tư xây dựng mới CHXD Ea Chà Rang (Km 00+45 DDH53 (T), xã Ea Chà Rang, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên) - Về chủ trương thuê cụm 06 CHXD thuộc Công ty TNHH Xây dựng Xuân Hương | 5/5 TV thông qua |
| 2 | 05/02/2021 | 5/5 | Về thay đổi vốn điều lệ; sửa đổi Điều lệ Công ty; đăng ký chứng khoán bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung trên sàn giao dịch | 5/5 TV thông qua |
| 3 | 05/3/2021 | 5/5 | - Về định hướng xây dựng phương án mở rộng Kho Xăng dầu Vũng Rô - Về tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 và các tài liệu liên quan | 5/5 TV thông qua |
| 4 | 09/4/2021 | 5/5 | Về điều chỉnh quy mô dự án mở | 5/5 TV |

| | | | | |
|----|------------|-----|--|------------------|
| | | | rộng Kho Xăng dầu Vũng Rô | thông qua |
| 5 | 22/4/2021 | 5/5 | - Về quyết toán dự án hoàn thành. Dự án CHXD Đông La Hai - Về phương án đầu tư CHXD Nam Xuân Lãnh (Km 47+560 QL 19C (P), xã Xuân Lãnh, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên) | 5/5 TV thông qua |
| 6 | 23/4/2021 | 5/5 | - Về phân phối quỹ thưởng NQL - Về thời gian chốt danh sách cổ đông và chia cổ tức năm 2019 bằng tiền | 5/5 TV thông qua |
| 7 | 16/6/2021 | 5/5 | - Về quỹ tiền lương thực hiện năm 2020 - Về thời gian nghỉ việc hưởng chế độ của Người quản lý | 5/5 TV thông qua |
| 8 | 16/7/2021 | 5/5 | Lấy ý kiến về nhân sự quản lý Công ty | 4/5 TV thông qua |
| 9 | 18/8/2021 | 4/4 | - Về điều chỉnh phương án đầu tư xây dựng CHXD Ea Chà Rang ((Km 00+45 DDH53 (T), xã Ea Chà Rang, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên) - Về tổ chức lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản việc miễn nhiệm thành viên HĐQT | 4/4 TV thông qua |
| 10 | 07/9/2021 | 4/4 | Về thay đổi ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền LYK cổ đông bằng văn bản việc miễn nhiệm TVHĐQT | 4/4 TV thông qua |
| 11 | 21/10/2021 | 4/4 | - Về tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 để bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025 - Về thay đổi người đại diện vốn và giới thiệu nhân sự tham gia HĐQT, BKS Công ty CP Dầu khí Sài Gòn – Phú Yên | 4/4 TV thông qua |
| 12 | 10/11/2021 | 4/4 | - Phê duyệt quỹ tiền lương kế hoạch năm 2021 - Thông qua tài liệu ĐHĐCĐ bất thường năm 2021 - Bổ sung ngành, nghề đăng ký kinh doanh của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên - Thông qua phương án đầu tư nhận chuyển nhượng CHXD Miền Núi (Khu phố Trung Hòa, thị trấn Củng Sơn, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên) | 4/4 TV thông qua |

| | | | | |
|----|------------|-----|---|------------------|
| 13 | 06/12/2021 | 5/5 | <ul style="list-style-type: none"> - Phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi. Dự án: Đầu tư mở rộng Kho Xăng dầu Vũng Rô - Thông qua chủ trương thuê CHXD Phú Thiện (Thôn Drok, xã Chư A Thai, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai) - Phân công nhiệm vụ trong HĐQT | 5/5 TV thông qua |
|----|------------|-----|---|------------------|

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

Nhiệm kỳ 2020-2025, HĐQT PVOIL Phú Yên có 05 thành viên, trong đó có 01 Thành viên HĐQT độc lập là Ông Ma Đức Tú với nhiệm vụ là Giám sát việc thực hiện các quy chế do HĐQT ban hành; theo dõi cổ đông.

Trong năm 2021, Thành viên độc lập HĐQT đã thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được ĐHCĐ giao phó, tham gia đầy đủ các cuộc họp và tham gia ý kiến, biểu quyết độc lập về các vấn đề cần sự quyết định của HĐQT và tham gia giám sát, chỉ đạo hoạt động của Ban điều hành theo phân công công việc của HĐQT.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:

Các thành viên HĐQT đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty và tham gia nhiều khoá học về quản trị công ty cổ phần và cập nhật các văn bản pháp luật mới.

2. Ban kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

| TT | Họ và tên | Chức danh, công việc | Ngày sinh | Trình độ chuyên môn | Số cổ phần nắm giữ | Tỉ lệ cổ phần nắm giữ (%) |
|----|------------------|----------------------|------------|-----------------------------|--------------------|---------------------------|
| 1 | Huỳnh Minh Triết | Trưởng ban kiểm soát | 10/03/1962 | Thạc sĩ Quản trị kinh doanh | 0 | 0 |
| 2 | Lại Thị Thu Hoài | Kiểm soát viên | 15/12/1989 | Cử nhân Kế toán | 0 | 0 |

b) Các hoạt động chính của Ban kiểm soát

- Tham gia đầy đủ các buổi họp của HĐQT, Ban kiểm soát có ý kiến về những vấn đề cần lưu ý trong hoạt động kinh doanh của Công ty tại các cuộc họp HĐQT.

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên công tác quản trị, điều hành và thực hiện nhiệm vụ kinh doanh của HĐQT, Ban Giám đốc theo đúng Nghị quyết HĐQT

- Giám sát, kiểm tra các hoạt động liên quan đến quan hệ cổ đông như: cập nhật thông tin cổ đông, các vấn đề liên quan đến cổ phần, cổ phiếu và hoạt động công bố thông tin.

- Kiểm soát định kỳ theo Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, đảm bảo hoạt động của Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật.

Trong năm 2021 Ban kiểm soát đã có 02 lần họp chính thức và nhiều lần hội ý để triển khai và phối hợp hoạt động. Các cuộc họp cụ thể như sau:

| TT | Thời gian | Thành viên tham dự | Nội dung | Kết quả |
|----|-----------|--------------------|---|------------------|
| 1 | 14/4 | 2/2 | - Kết quả hoạt động quý 1 - Kế hoạch làm việc quý 2 | 2/2 TV thông qua |
| 2 | 20/8 | 2/2 | - Kết quả hoạt động quý 2 - Kế hoạch làm việc quý 3 và quý 4 | 2/2 TV thông qua |

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

| TT | Chức danh | Số người | TH năm 2021 (tr.đ) | Ghi chú |
|------------|------------------------------------|-----------|--------------------|--------------------------------------|
| I | HĐQT | 5 | 452 | |
| 1 | Chủ tịch HĐQT | 1 | 122 | |
| 2 | Thành viên HĐQT kiêm nhiệm | 2 | 167 | |
| 3 | Thành viên HĐQT không chuyên trách | 1 | 97 | |
| 4 | Thành viên HĐQT độc lập | 1 | 66 | |
| II | Ban kiểm soát | 2 | 648 | |
| 1 | Trưởng ban | 1 | 518 | |
| 2 | Kiểm soát viên | 1 | 130 | Nghỉ thai sản 5 tháng trong năm 2021 |
| III | Ban điều hành | 4 | 2.605 | |
| 1 | Giám đốc | 1 | 886 | |
| 2 | Phó Giám đốc | 2 | 1.280 | |
| 3 | Kế toán trưởng | 1 | 439 | |
| IV | Tổng cộng | 11 | 3.705 | |

b) Giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ

Không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với Người nội bộ

Không có

e) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty đã tuân thủ và thực hiện tốt công tác quản trị theo Điều lệ, các quy chế, quy định và pháp luật hiện hành đối với Công ty đại chúng.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2021 ĐÃ SOÁT XÉT

(Đính kèm)

Nơi nhận:

- UBCKNN, HNX;
- HĐQT, BĐH, TBKS;
- Lưu VT

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



GIÁM ĐỐC

Ngô Văn Nhiệm

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU
DẦU KHÍ PHÚ YÊN**



MỤC LỤC

| | Trang |
|--|--------------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Ban Giám đốc | 2 - 5 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 6 |
| 4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 7 - 10 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 11 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 12 - 13 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 14 - 44 |



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên được đổi tên từ Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp Phú Yên từ ngày 20 tháng 12 năm 2011 và sử dụng tên mới để giao dịch từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 theo Nghị quyết số 03/NQ-LYK ngày 08 tháng 10 năm 2011 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp Phú Yên.

Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp Phú Yên trước đây là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở chuyên đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Vật tư Tổng hợp Phú Yên theo Quyết định số 482/QĐ-ĐTKDV.HĐQT ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước.

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4400114094, đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 02 tháng 8 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Số 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
- Điện thoại : 0257. 3 828 643
- Fax : 0257. 3 824 162

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|---|---|
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu Khí Phú Yên - Kho Xăng dầu Vũng Rô | Thôn Vũng Rô, xã Hòa Xuân Nam, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên tại Bình Định | Khu vực Bà Canh, Phường Đập Đá, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên tại Gia Lai | Đường Ngô Quyền, phường Cheo Reo, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên tại Khánh Hòa | Thôn Chà Liên, xã Liên Sang, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên tại Đắk Lắk | Thôn 6A, xã Hòa An, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk |
| Cửa hàng Xăng dầu 224 | Số 224 Nguyễn Tất Thành, phường 8, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên |
| Cửa hàng Xăng dầu Hòa An | Thôn Đông Phước, xã Hòa An, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên |
| Cửa hàng Xăng dầu Trung Tâm | Số 43 Nguyễn Tất Thành, phường 1, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên |
| Cửa hàng Xăng dầu Ga Gò Mắm | Khu phố Mỹ Lệ Đông, thị trấn Phú Thứ, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên |
| Cửa hàng Xăng dầu Hòa Vinh 2 | Khu phố 1, thị trấn Hòa Vinh, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên |
| Cửa hàng Xăng dầu Hòa Vinh 1 | Khu phố 3, thị trấn Hòa Vinh, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên |
| Cửa hàng Xăng dầu Hòa Xuân Đông | Thôn Phú Khê, xã Hòa Xuân Đông, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên |
| Cửa hàng Xăng dầu Hòa Xuân Tây | Thôn Bàn Nham, xã Hòa Xuân Tây, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên |

449812
HI NH
NG TY
TOAN V
&
NHA TI
NG-T

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|----------------------------------|---|
| Cửa hàng Xăng dầu An Mỹ | Thôn Hòa Đa, xã An Mỹ, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên |
| Cửa hàng Xăng dầu Chí Thạnh | Khu phố Long Bình, thị trấn Chí Thạnh, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên |
| Cửa hàng Xăng dầu An Ninh Tây | Thôn Diêm Điền, xã An Ninh Tây, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên |
| Cửa hàng Xăng dầu 42 Lê Duẩn | Số 42 Lê Duẩn, phường 6, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên |
| Cửa hàng Xăng dầu 229 | Số 229 Nguyễn Tất Thành, phường 8, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên |
| Cửa hàng Xăng dầu Hòa Thành | Thôn Phước Bình Bắc, xã Hòa Thành, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên |
| Cửa hàng Xăng dầu Sơn Nguyên | Xã Sơn Nguyên, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên |
| Cửa hàng Xăng dầu Củng Sơn | Khu phố Tây Hòa, thị trấn Củng Sơn, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên |
| Cửa hàng Xăng dầu Khánh Vĩnh | Tổ 6, thị trấn Khánh Vĩnh, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa |
| Cửa hàng Xăng dầu Phú Cầu | Quốc lộ 25 Dốc Đỏ, xã Phú Cầu, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai |
| Cửa hàng Xăng dầu Phú Túc | 304 Hùng Vương, thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai |
| Cửa hàng Xăng dầu Ia Pa | Thôn Ma Rin 3, xã Ia Ma Rơn, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai |
| Cửa hàng Xăng dầu Ia Mron | Thôn Hlil 2, xã Ia Ma Rơn, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai |
| Cửa hàng Xăng dầu Pờ Tó | Thôn Dron, xã Pờ Tó, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai |
| Cửa hàng Xăng dầu Ia Tul | Thôn Bôn Biah C, xã Ia Tul, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai |
| Cửa hàng Xăng dầu Ayun Pa | Quốc lộ 25, xã Ia Rtô, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai |
| Cửa hàng Xăng dầu Phú Bôn | Đường Ngô Quyền, phường Cheo Reo, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai |
| Cửa hàng Xăng dầu Cheo Reo | 01 Lý Thường Kiệt, phường Cheo Reo, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai |
| Cửa hàng Xăng dầu Hòa Bình | Đường Nguyễn Viết Xuân, phường Hòa Bình, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai |
| Cửa hàng Xăng dầu Bình Kiến | Nguyễn Tất Thành, thôn Phú Vang, xã Bình Kiến, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên |
| Cửa hàng Xăng dầu Phú Thiện | Thôn Drok, xã Chư A Thai, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai |
| Cửa hàng Xăng dầu Khánh Lê | Thôn Chà Liên, xã Liên Sang, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa |
| Cửa hàng Xăng dầu An Nghiệp | ĐT 650, xã An Nghiệp, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên |
| Cửa hàng Xăng dầu Phước An | Thôn 6A, xã Hòa An, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk |
| Cửa hàng Xăng dầu Hòa Trị | ĐH 22, xã Hòa Trị, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên |
| Cửa hàng Xăng dầu Đập Đá | Khu vực Bà Canh, Phường Đập Đá, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định |
| Cửa hàng Xăng dầu 668 | ĐT 668, thôn Bôn Hoai, xã Chư Băh, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai |
| Cửa hàng Xăng dầu Phú Ân | Quốc lộ 25, xã Hòa An, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên |
| Cửa hàng Xăng dầu Phú Gia | Tổ dân phố 7, thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai |
| Cửa hàng Xăng dầu Sơn Giang | Quốc lộ 29, xã Sơn Giang, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên |
| Cửa hàng Xăng dầu Hòa Vinh 3 | Quốc lộ 29, thị trấn Hòa Vinh, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên |
| Cửa hàng Xăng dầu Ân Niên | ĐH 21, xã Hòa An, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên |
| Cửa hàng Xăng dầu Xuân Lãnh | Quốc lộ 19C, xã Xuân Lãnh, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên |
| Cửa hàng Xăng dầu Sông Hinh | Quốc lộ 29, thị trấn Hai Riêng, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên |
| Cửa hàng Xăng dầu Hòa Định Tây | Quốc lộ 25, xã Hòa Định Tây, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên |
| Cửa hàng Xăng dầu Phú An | Thôn Phú An, xã Ia Le, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai |
| Cửa hàng Xăng dầu Xuân Quang | Đường Phước Lộc - A20, xã Xuân Quang 3, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên |
| Cửa hàng Xăng dầu Đông Phú Thiện | Quốc lộ 25, xã Ia Piar, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai |
| Cửa hàng Xăng dầu Sơn Thành | Quốc lộ 29, xã Sơn Thành Đông, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên |
| Cửa hàng Xăng dầu Phú Nhơn | Thôn Hòa Thành, xã Ia Phang, huyện Chư pưh, tỉnh Gia Lai |
| Cửa hàng Xăng dầu Phú Đông | Đường Hùng Vương, phường Phú Đông, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên |



CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU ĐẦU KHÍ PHÚ YÊN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|-------------------------------|---|
| Cửa hàng Xăng dầu Hai Riêng | Quốc lộ 29, thị trấn Hai Riêng, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên |
| Cửa hàng Xăng dầu Xuân Long | Quốc lộ 19C, xã Xuân Long, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên |
| Cửa hàng Xăng dầu Đông La Hai | ĐT 641, thị trấn La Hai, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên |
| Cửa hàng Xăng dầu Sơn Long | ĐT 643, xã Sơn Long, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên |

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Mua bán xăng dầu và các sản phẩm liên quan, mua bán khí đốt.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|----------------------|------------|---------------------------------------|
| Ông Nguyễn Anh Toàn | Chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2020 |
| Ông Ngô Văn Nhiệm | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 06 tháng 12 năm 2021 |
| Bà Mai Bích Thủy | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2020 |
| Ông Trần Văn Hay | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2020 |
| Ông Ma Đức Tú | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2020 |
| Ông Nguyễn Thái Định | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 11 tháng 10 năm 2021 |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày tái bổ nhiệm |
|----------------------|----------------|---------------------------------------|
| Ông Huỳnh Minh Triết | Trưởng ban | Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2020 |
| Bà Lại Thị Thu Hoài | Kiểm soát viên | Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2020 |

Ban điều hành, quản lý

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|---------------------------|----------------|---------------------------------------|
| Ông Ngô Văn Nhiệm | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2021 |
| Ông Nguyễn Thái Định | Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2021 |
| Ông Võ Nguyên Hợp | Phó Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 8 năm 2020 |
| Ông Trần Văn Hay | Phó Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 8 năm 2020 |
| Bà Nguyễn Thị Hồng Phương | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 20 tháng 02 năm 2020 |

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm /miễn nhiệm |
|----------------------|----------|-------------------------------------|
| Ông Ngô Văn Nhiệm | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 02 tháng 8 năm 2021 |
| Ông Nguyễn Thái Định | Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 02 tháng 8 năm 2021 |

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc, 



Ngô Văn Nhiệm
Giám đốc

Ngày 09 tháng 02 năm 2022

Số: 1.0147/22/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 09 tháng 02 năm 2022, từ trang 07 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Văn Kiên – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0192-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 02 năm 2022



Trần Thị Cẩm Vân - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3215-2020-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | Số cuối năm | Số đầu năm |
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 128.439.461.250 | 102.355.938.861 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 2.626.068.980 | 2.040.280.069 |
| 1. Tiền | 111 | | 2.626.068.980 | 2.040.280.069 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 72.322.342.412 | 62.208.499.044 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.2 | 72.143.435.160 | 61.603.493.083 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.3 | 219.741.912 | 773.139.586 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.4 | 17.308.897.224 | 18.113.065.601 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.5 | (17.349.731.884) | (18.281.199.226) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 52.784.498.700 | 36.175.396.811 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.6 | 52.784.498.700 | 36.175.396.811 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 706.551.158 | 1.931.762.937 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.7a | 706.551.158 | 1.931.762.937 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | - | - |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | - | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 131.972.897.953 | 120.059.144.473 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | | - | - |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 84.097.608.848 | 79.580.200.154 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.8 | 55.625.445.404 | 50.367.683.150 |
| - Nguyên giá | 222 | | 123.067.367.320 | 114.324.419.310 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (67.441.921.916) | (63.956.736.160) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.9 | 28.472.163.444 | 29.212.517.004 |
| - Nguyên giá | 228 | | 31.471.368.428 | 31.471.368.428 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (2.999.204.984) | (2.258.851.424) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| - Nguyên giá | 231 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 4.880.141.069 | 4.180.003.548 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.10 | 4.880.141.069 | 4.180.003.548 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 9.360.000.000 | 9.360.000.000 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | V.11 | 9.360.000.000 | 9.360.000.000 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 33.635.148.036 | 26.938.940.771 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.7b | 31.970.041.991 | 26.040.702.014 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | V.12 | 1.665.106.045 | 898.238.757 |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 260.412.359.203 | 222.415.083.334 |



CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|-----------------------|
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 122.834.138.679 | 91.838.786.212 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 95.370.832.162 | 81.233.118.212 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.13 | 22.916.603.289 | 18.307.096.074 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.14 | 2.374.517.358 | 1.634.746.306 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.15 | 51.626.101.247 | 45.787.779.203 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | V.16 | 9.262.064.034 | 8.096.385.664 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.17 | 2.938.910.298 | 1.968.263.407 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | V.18 | 13.090.911 | 26.181.820 |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.19 | 531.771.111 | 681.484.716 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.20a | 1.557.400.801 | - |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | V.21 | 2.991.367.909 | 2.814.689.565 |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.22 | 1.159.005.204 | 1.916.491.457 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 27.463.306.517 | 10.605.668.000 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.20b | 27.463.306.517 | 10.605.668.000 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |



CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên


BÁO CÁO TÀI CHÍNH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021


Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 137.578.220.524 | 130.576.297.122 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 137.578.220.524 | 130.576.297.122 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | V.23 | 86.519.260.000 | 82.400.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 86.519.260.000 | 82.400.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | V.23 | 36.474.931.242 | 34.032.616.656 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | V.23 | 14.584.029.282 | 14.143.680.466 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước | 421a | | 214.262.729 | 14.143.680.466 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | 14.369.766.553 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 260.412.359.203 | 222.415.083.334 |

Phú Yên, ngày 09 tháng 02 năm 2022


Trịnh Thương Huyền
Người lập


Nguyễn Thị Hồng Phương
Kế toán trưởng


Ngô Văn Nhiệm
Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND | |
|--|-------|-------------|-----------------------|----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 2.030.412.799.984 | 1.473.304.995.418 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 2.030.412.799.984 | 1.473.304.995.418 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 1.902.731.821.962 | 1.366.753.658.183 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 127.680.978.022 | 106.551.337.235 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 3.484.137.169 | 3.153.992.279 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 508.677.753 | 40.092.903 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 508.677.753 | 40.092.903 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.5 | 89.437.922.680 | 83.638.956.901 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.6 | 26.701.687.427 | 18.795.362.727 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 14.516.827.331 | 7.230.916.983 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.7 | 6.843.155.575 | 4.578.704.483 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.8 | 292.452.432 | 186.000.000 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 6.550.703.143 | 4.392.704.483 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 21.067.530.474 | 11.623.621.466 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.15 | 4.985.155.111 | 2.457.831.869 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | VI.9 | (766.867.288) | (603.468.745) |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>16.849.242.651</u> | <u>9.769.258.342</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.10a,b | <u>1.661</u> | <u>847</u> |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.10a,b | <u>1.661</u> | <u>847</u> |

Phú Yên, ngày 09 tháng 02 năm 2022


Trịnh Thương Huyền
Người lập

Nguyễn Thị Hồng Phương
Kế toán trưởng

Ngô Văn Nhiệm
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-------------|-------------------------|------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 21.067.530.474 | 11.623.621.466 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | V.8, 9 | 7.558.186.899 | 6.768.370.989 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | V.5, 21 | (754.788.998) | (287.122.946) |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | - | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | VI.3, 7 | (2.701.833.416) | (1.830.176.569) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | VI.4 | 508.677.753 | 40.092.903 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 25.677.772.712 | 16.314.785.843 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (9.182.376.026) | 6.624.153.365 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (16.609.101.889) | (12.615.852.549) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 13.686.560.723 | (4.446.639.441) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (4.704.128.198) | 6.609.974.196 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | VI.4 | (508.677.753) | (40.092.903) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | V.15 | (5.213.665.627) | (2.532.695.680) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | V.22 | (4.981.053.602) | (2.692.705.355) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (1.834.669.660) | 7.220.927.476 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (13.461.253.600) | (5.420.736.982) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 1.470.854.470 | 131.818.182 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | - |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 1.621.064.883 | 1.698.358.387 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (10.369.334.247) | (3.590.560.413) |

49815-
HI NHA
IG TY
FOÁN và
&
NHA TP
VNG-T

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-------------|-----------------------|------------------------|
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | V.20 | 29.319.935.808 | 650.000.000 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | V.20 | (10.904.896.490) | (44.332.000) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | V.19, 23 | (5.625.246.500) | (4.095.101.500) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 12.789.792.818 | (3.489.433.500) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | 585.788.911 | 140.933.563 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 2.040.280.069 | 1.899.346.506 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 2.626.068.980 | 2.040.280.069 |

Phú Yên, ngày 09 tháng 02 năm 2022

Trịnh Thương Huyền
Người lập

Nguyễn Thị Hồng Phương
Kế toán trưởng



Ngô Văn Nhiệm
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là: Mua bán xăng dầu và các sản phẩm liên quan, mua bán khí đốt.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Doanh thu và lợi nhuận năm nay của Công ty tăng so với năm trước chủ yếu do giá bán xăng dầu và tỷ lệ lợi nhuận gộp trên lít xăng dầu tăng so với năm trước.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty liên doanh, liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn – Phú Yên có trụ sở chính tại thôn Vũng Rô, xã Hòa Xuân Nam, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này kinh doanh khí dầu hỏa lỏng, chiết nạp khí dầu hỏa lỏng. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 39%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|---|--|
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên - Kho Xăng dầu Vũng Rô | Thôn Vũng Rô, xã Hòa Xuân Nam, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên tại Bình Định | Khu vực Bà Canh, Phường Đập Đá, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên tại Gia Lai | Đường Ngô Quyền, phường Cheo Reo, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên tại Khánh Hòa | Thôn Chà Liên, xã Liên Sang, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên tại Đắk Lắk | Thôn 6A, xã Hòa An, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk |
| Cửa hàng Xăng dầu 224 | Số 224 Nguyễn Tất Thành, phường 8, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên |

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|---------------------------------|---|
| Cửa hàng Xăng dầu Hòa An | Thôn Đông Phước, xã Hòa An, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên |
| Cửa hàng Xăng dầu Trung Tâm | Số 43 Nguyễn Tất Thành, phường 1, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên |
| Cửa hàng Xăng dầu Ga Gò Mắm | Khu phố Mỹ Lệ Đông, thị trấn Phú Thứ, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên |
| Cửa hàng Xăng dầu Hòa Vinh 2 | Khu phố 1, thị trấn Hòa Vinh, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên |
| Cửa hàng Xăng dầu Hòa Vinh 1 | Khu phố 3, thị trấn Hòa Vinh, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên |
| Cửa hàng Xăng dầu Hòa Xuân Đông | Thôn Phú Khê, xã Hòa Xuân Đông, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên |
| Cửa hàng Xăng dầu Hòa Xuân Tây | Thôn Bàn Nham, xã Hòa Xuân Tây, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên |
| Cửa hàng Xăng dầu An Mỹ | Thôn Hòa Đa, xã An Mỹ, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên |
| Cửa hàng Xăng dầu Chí Thạnh | Khu phố Long Bình, thị trấn Chí Thạnh, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên |
| Cửa hàng Xăng dầu An Ninh Tây | Thôn Diêm Điền, xã An Ninh Tây, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên |
| Cửa hàng Xăng dầu 42 Lê Duẩn | Số 42 Lê Duẩn, phường 6, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên |
| Cửa hàng Xăng dầu 229 | Số 229 Nguyễn Tất Thành, phường 8, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên |
| Cửa hàng Xăng dầu Hòa Thành | Thôn Phước Bình Bắc, xã Hòa Thành, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên |
| Cửa hàng Xăng dầu Sơn Nguyên | Xã Sơn Nguyên, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên |
| Cửa hàng Xăng dầu Củng Sơn | Khu phố Tây Hòa, thị trấn Củng Sơn, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên |
| Cửa hàng Xăng dầu Khánh Vĩnh | Tổ 6, thị trấn Khánh Vĩnh, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa |
| Cửa hàng Xăng dầu Phú Cần | Quốc lộ 25 Dốc Đỏ, xã Phú Cần, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai |
| Cửa hàng Xăng dầu Phú Túc | 304 Hùng Vương, thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai |
| Cửa hàng Xăng dầu Ia Pa | Thôn Ma Rin 3, xã Ia Ma Rơn, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai |
| Cửa hàng Xăng dầu Ia Mron | Thôn Hlil 2, xã Ia Ma Rơn, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai |
| Cửa hàng Xăng dầu Pờ Tó | Thôn Dron, xã Pờ Tó, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai |
| Cửa hàng Xăng dầu Ia Tul | Thôn Bôn Biah C, xã Ia Tul, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai |
| Cửa hàng Xăng dầu Ayun Pa | Quốc lộ 25, xã Ia Rtô, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai |
| Cửa hàng Xăng dầu Phú Bôn | Đường Ngô Quyền, phường Cheo Reo, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai |
| Cửa hàng Xăng dầu Cheo Reo | 01 Lý Thường Kiệt, phường Cheo Reo, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai |
| Cửa hàng Xăng dầu Hòa Bình | Đường Nguyễn Viết Xuân, phường Hòa Bình, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai |
| Cửa hàng Xăng dầu Bình Kiến | Nguyễn Tất Thành, thôn Phú Vang, xã Bình Kiến, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên |
| Cửa hàng Xăng dầu Phú Thiện | Thôn Drok, xã Chư A Thai, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai |
| Cửa hàng Xăng dầu Khánh Lê | Thôn Chà Liên, xã Liên Sang, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa |
| Cửa hàng Xăng dầu An Nghiệp | ĐT 650, xã An Nghiệp, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên |
| Cửa hàng Xăng dầu Phước An | Quốc lộ 26, xã Hòa An, huyện Krông Păk, tỉnh Đắk Lắk |
| Cửa hàng Xăng dầu Hòa Trị | ĐH 22, xã Hòa Trị, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên |
| Cửa hàng Xăng dầu Đập Đá | Khu vực Bả Canh, Phường Đập Đá, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định |

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|----------------------------------|---|
| Cửa hàng Xăng dầu 668 | ĐT 668, thôn Bôn Hoai, xã Chư Băh, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai |
| Cửa hàng Xăng dầu Phú Ân | Quốc lộ 25, xã Hòa An, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên |
| Cửa hàng Xăng dầu Phú Gia | Tổ dân phố 7, thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai |
| Cửa hàng Xăng dầu Sơn Giang | Quốc lộ 29, xã Sơn Giang, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên |
| Cửa hàng Xăng dầu Hòa Vinh 3 | Quốc lộ 29, thị trấn Hòa Vinh, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên |
| Cửa hàng Xăng dầu Ân Niên | ĐH 21, xã Hòa An, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên |
| Cửa hàng Xăng dầu Xuân Lãnh | Quốc lộ 19C, xã Xuân Lãnh, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên |
| Cửa hàng Xăng dầu Sông Hinh | Quốc lộ 29, thị trấn Hai Riêng, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên |
| Cửa hàng Xăng dầu Hòa Định Tây | Quốc lộ 25, xã Hòa Định Tây, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên |
| Cửa hàng Xăng dầu Phú An | Thôn Phú An, xã Ia Le, huyện Chư Puh, tỉnh Gia Lai |
| Cửa hàng Xăng dầu Xuân Quang | Đường Phước Lộc - A20, xã Xuân Quang 3, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên |
| Cửa hàng Xăng dầu Đông Phú Thiện | Quốc lộ 25, xã Ia Piar, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai |
| Cửa hàng Xăng dầu Sơn Thành | Quốc lộ 29, xã Sơn Thành Đông, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên |
| Cửa hàng Xăng dầu Phú Nhơn | Thôn Hòa Thành, xã Ia Phang, huyện Chư puh, tỉnh Gia Lai |
| Cửa hàng Xăng dầu Phú Đông | Đường Hùng Vương, phường Phú Đông, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên |
| Cửa hàng Xăng dầu Hai Riêng | Quốc lộ 29, thị trấn Hai Riêng, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên |
| Cửa hàng Xăng dầu Xuân Long | Quốc lộ 19C, xã Xuân Long, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên |
| Cửa hàng Xăng dầu Đông La Hai | ĐT 641, thị trấn La Hai, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên |
| Cửa hàng Xăng dầu Sơn Long | ĐT 643, xã Sơn Long, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên |

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 286 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 281 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.



CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU ĐẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là Chi phí công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 25 |
| Máy móc và thiết bị | 03 - 15 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 06 |

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.



CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 5 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU ĐẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty chỉ có:

Dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường

Quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường được lập để phòng ngừa, khắc phục, bù đắp các sự cố về môi trường xảy ra trong quá trình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Mức trích lập dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường bằng 0,5% trên doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ đối với các hoạt động quy định tại Khoản 1 Điều 2 Thông tư 86/2016/TT-NTC ngày 20/6/2016 và số tiền trích không vượt quá 5% lợi nhuận trước thuế năm. Số dư trích lập Quỹ này không được vượt quá 10% Vốn điều lệ của doanh nghiệp.

Tăng, giảm số dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Trường hợp rủi ro gây ra hậu quả môi trường lớn, doanh nghiệp đã sử dụng hết Quỹ và hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh dẫn đến kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bị lỗ thì doanh nghiệp được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong 5 năm tiếp theo kể từ năm xảy ra rủi ro về môi trường. Mức trích và tỷ lệ trích căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong năm, đảm bảo kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong năm không bị lỗ.

Trường hợp doanh nghiệp chấm dứt sản xuất kinh doanh các ngành nghề quy định tại Khoản 1 Điều 2 Thông tư này thì số dư Quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường đã trích lập nhưng chưa sử dụng hết được hạch toán vào thu nhập khác.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc chi trả cổ tức.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.



CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU ĐẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------------|----------------------|----------------------|
| Tiền mặt | 2.502.115.712 | 1.920.396.680 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 123.953.268 | 119.883.389 |
| Cộng | 2.626.068.980 | 2.040.280.069 |

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|----------------------|----------------------|
| Phải thu các bên liên quan | 3.428.231.315 | 2.488.033.957 |
| Công ty Cổ phần TM Xuất nhập khẩu Thủ Đức | 844.841.150 | 931.110.530 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội | 638.890.210 | 417.537.650 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng | 471.488.780 | 347.993.177 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV OIL Miền Trung | 309.732.647 | 210.964.183 |



CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP | 301.755.435 | - |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa | 223.020.970 | 45.714.280 |
| Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP | 180.459.256 | 90.515.810 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu | 131.728.036 | 87.966.290 |
| Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Phú Yên | 99.709.075 | 53.148.488 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn | 96.834.245 | 209.335.980 |
| Công ty Cổ phần Dầu Khí Mê Kông | 83.757.910 | 62.660.100 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận | 23.487.177 | 16.978.545 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình | 11.758.030 | - |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh | 8.827.994 | - |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ | 1.940.400 | - |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thừa Thiên Huế | - | 7.689.827 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng | - | 6.419.097 |
| Phải thu các khách hàng khác | 68.715.203.845 | 59.115.459.126 |
| Công ty Cổ phần Thủy sản Hoài Nhơn | 11.485.443.239 | 12.823.609.329 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Quy Nhơn | 11.988.423.330 | 11.849.552.830 |
| Các khách hàng khác | 45.241.337.276 | 34.442.296.967 |
| Cộng | 72.143.435.160 | 61.603.493.083 |

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|--------------------|--------------------|
| Trả trước cho các bên liên quan | 33.460.912 | 28.511.786 |
| Chi nhánh Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP - Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Miền Đông | 19.438.042 | - |
| Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Xí ngiệp Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè | 14.022.870 | 28.511.786 |
| Trả trước cho các người bán khác | 186.281.000 | 744.627.800 |
| Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải Miền Nam | - | 500.000.000 |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng Hải | 130.000.000 | 130.000.000 |
| Các nhà cung cấp khác | 56.281.000 | 114.627.800 |
| Cộng | 219.741.912 | 773.139.586 |

4. Phải thu ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|--|-----------------------|-------------------------|-----------------------|-------------------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> |
| Phải thu các bên liên quan | 16.604.952.041 | (16.604.952.041) | 17.604.952.041 | (17.604.952.041) |
| Công ty Cổ phần Điều Phú Yên - Tiền lãi cho vay | 16.604.952.041 | (16.604.952.041) | 17.604.952.041 | (17.604.952.041) |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | 703.945.183 | - | 508.113.560 | - |
| Các khoản ký cược, ký quỹ | 499.290.000 | - | 289.615.000 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 204.655.183 | - | 218.498.560 | - |
| Cộng | 17.308.897.224 | (16.604.952.041) | 18.113.065.601 | (17.604.952.041) |

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Nợ xấu**

| | Thời gian quá hạn | Số cuối năm | | Thời gian quá hạn | Số đầu năm | |
|---|------------------------|-----------------------|---------------------------|------------------------|-----------------------|---------------------------|
| | | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Các bên liên quan | | 16.604.952.041 | - | | 17.604.952.041 | - |
| Công ty Cổ phần Điều Phú Yên – Tiền lãi cho vay | Trên 3 năm | 16.604.952.041 | - | Trên 3 năm | 17.604.952.041 | - |
| Các tổ chức và cá nhân khác | | 806.085.890 | 61.306.047 | | 790.538.290 | 114.291.105 |
| Phải thu tiền bán hàng | Trên 3 năm | 452.732.400 | - | Trên 3 năm | 365.331.300 | - |
| Phải thu tiền bán hàng | Từ 2 đến dưới 3 năm | 204.353.490 | 61.306.047 | Từ 2 đến dưới 3 năm | 119.061.950 | 35.718.585 |
| Phải thu tiền bán hàng | Từ 1 đến dưới 2 năm | - | - | Từ 1 đến dưới 2 năm | 157.145.040 | 78.572.520 |
| Trả trước xây dựng cơ bản | Trên 3 năm | 149.000.000 | - | Trên 3 năm | 149.000.000 | - |
| Cộng | | 17.411.037.931 | 61.306.047 | | 18.395.490.331 | 114.291.105 |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Số đầu năm | 18.281.199.226 | 19.149.503.245 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 98.793.508 | 138.445.981 |
| Hoàn nhập dự phòng | (1.010.100.000) | (1.006.750.000) |
| Giảm khác do xóa nợ | (20.160.850) | - |
| Số cuối năm | 17.349.731.884 | 18.281.199.226 |

6. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Công cụ, dụng cụ | 1.393.908.006 | - | 1.222.890.832 | - |
| Hàng hóa | 51.390.590.694 | - | 34.952.505.979 | - |
| Cộng | 52.784.498.700 | - | 36.175.396.811 | - |

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|--------------------|----------------------|
| Chi phí bảo hiểm | 112.592.624 | 219.063.906 |
| Chi phí công cụ dụng cụ | 38.572.916 | 72.790.852 |
| Các chi phí trả trước ngắn hạn khác | 555.385.618 | 1.639.908.179 |
| Cộng | 706.551.158 | 1.931.762.937 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7b. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền thuê cửa hàng, tiền thuê đất | 31.293.607.064 | 25.816.350.830 |
| Chi phí sửa chữa tài sản | 55.643.977 | 171.288.882 |
| Các chi phí trả trước dài hạn khác | 620.790.950 | 53.062.302 |
| Cộng | 31.970.041.991 | 26.040.702.014 |

Một số quyền sử dụng đất có thời hạn có giá trị còn lại theo sổ sách là 1.722.934.802 VND đã được thế chấp để đảm bảo thanh toán cho khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Phú Yên và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh tỉnh Phú Yên (xem thuyết minh số V.20b).

8. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|--------------------------------------|---------------------------|------------------------|---------------------------------------|------------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 83.271.361.432 | 20.460.140.462 | 10.450.866.962 | 142.050.454 | 114.324.419.310 |
| Mua trong năm | - | 947.186.134 | - | 38.909.091 | 986.095.225 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | 9.553.537.016 | 1.926.049.289 | - | - | 11.479.586.305 |
| Tài sản tổn thất do bão | (3.722.733.520) | - | - | - | (3.722.733.520) |
| Số cuối năm | 89.102.164.928 | 23.333.375.885 | 10.450.866.962 | 180.959.545 | 123.067.367.320 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng | 30.120.877.267 | 8.360.484.281 | 5.337.502.962 | 142.050.454 | 43.960.914.964 |
| Chờ thanh lý | - | - | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 44.227.839.260 | 11.727.484.528 | 7.859.361.918 | 142.050.454 | 63.956.736.160 |
| Khấu hao trong năm | 3.282.464.959 | 2.361.483.851 | 1.173.832.232 | 52.297 | 6.817.833.339 |
| Tài sản tổn thất do bão | (3.332.647.583) | - | - | - | (3.332.647.583) |
| Số cuối năm | 44.177.656.636 | 14.088.968.379 | 9.033.194.150 | 142.102.751 | 67.441.921.916 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 39.043.522.172 | 8.732.655.934 | 2.591.505.044 | - | 50.367.683.150 |
| Số cuối năm | 44.924.508.292 | 9.244.407.506 | 1.417.672.812 | 38.856.794 | 55.625.445.404 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - |

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 6.050.628.172 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Phú Yên và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh tỉnh Phú Yên (xem thuyết minh số V.20b).

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU ĐẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Tài sản cố định vô hình**

| | Quyền sử dụng đất | Chương trình phần mềm máy tính | Cộng |
|---------------------------------------|-----------------------|--------------------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 31.010.203.321 | 461.165.107 | 31.471.368.428 |
| Số cuối năm | 31.010.203.321 | 461.165.107 | 31.471.368.428 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 2.237.933.607 | 20.917.817 | 2.258.851.424 |
| Khấu hao trong năm | 639.477.228 | 100.876.332 | 740.353.560 |
| Số cuối năm | 2.877.410.835 | 121.794.149 | 2.999.204.984 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 28.772.269.714 | 440.247.290 | 29.212.517.004 |
| Số cuối năm | 28.132.792.486 | 339.370.958 | 28.472.163.444 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Tạm thời không sử dụng | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - |

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 2.943.164.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo thanh toán cho khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Phú Yên (xem thuyết minh số V.20b).

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong năm | Kết chuyển vào TSCĐ trong năm | Kết chuyển giảm khác | Số cuối năm |
|---|----------------------|--------------------------------|----------------------------------|-------------------------|----------------------|
| Mua sắm tài sản cố định | - | 986.095.225 | (986.095.225) | - | - |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 4.180.003.548 | 13.863.910.227 | (11.479.586.305) | (1.684.186.401) | 4.880.141.069 |
| - Cửa hàng xăng dầu Đông La Hai | 1.512.015.420 | 2.955.816.719 | (3.679.680.999) | (788.151.140) | - |
| - Cửa hàng xăng dầu Ea Chà Rang | 1.360.811.018 | 920.807.720 | - | - | 2.281.618.738 |
| - Cửa hàng xăng dầu Sơn Long | 1.091.658.482 | 1.462.965.455 | (1.659.497.766) | (895.126.171) | - |
| - Cửa hàng xăng dầu Nam Xuân Lãnh | - | 999.608.693 | - | - | 999.608.693 |
| - Đường vào kho xăng dầu Vũng Rô giai đoạn 3 | 209.891.356 | 5.104.919.626 | (5.314.810.982) | - | - |
| - Mở rộng kho xăng dầu Vũng Rô | - | 997.167.274 | - | - | 997.167.274 |
| - Phần mềm quản lý hệ thống cửa hàng xăng dầu | - | 542.878.182 | - | - | 542.878.182 |
| - Các công trình khác | 5.627.272 | 879.746.558 | (825.596.558) | (909.090) | 58.868.182 |
| Cộng | 4.180.003.548 | 14.850.005.452 | (12.465.681.530) | (1.684.186.401) | 4.880.141.069 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên kết là Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Phú Yên.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4400344901 ngày 16 tháng 8 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Phú Yên 9.360.000.000 VND (tương ứng 93.600 cổ phiếu), tương đương 39% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư đủ số vốn đăng ký.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Phú Yên hiện đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với công ty liên kết

Các giao dịch giữa Công ty và Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Phú Yên trong năm như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|----------------|------------------|
| Cổ tức được chia | 1.591.200.000 | 1.684.800.000 |
| Doanh thu bán xăng dầu và cung cấp dịch vụ | 657.654.135 | 387.501.217 |
| Thu nhập khác | 47.000.000 | - |

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, chi tiết như sau:

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|----------------------------|--------------------|--|----------------------|
| Các khoản chi phí phải trả | 852.147.217 | 750.308.400 | 1.602.455.617 |
| Khấu hao | 46.091.540 | 16.558.888 | 62.650.428 |
| Cộng | 898.238.757 | 766.867.288 | 1.665.106.045 |

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 19.440.850.503 | 15.126.219.033 |
| Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP | 18.923.213.516 | 14.781.003.965 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa | 225.377.604 | 152.097.500 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng | 138.959.130 | 31.065.800 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV OIL Miền Trung | 73.746.347 | 4.739.683 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận | 31.968.710 | 20.597.340 |
| Chi nhánh Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam - CTCP tại Quảng Ngãi | 28.913.136 | 59.314.414 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (Petec) - CTCP - Xí nghiệp Xăng dầu Petec Hải Phòng | 10.376.850 | - |
| Chi nhánh Tổng công ty Dầu Việt Nam - Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Đình Vũ | 8.295.210 | - |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thừa Thiên Huế | - | 50.340.770 |
| Chi nhánh Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP - Xí nghiệp Tổng Kho Xăng dầu Miền Đông | - | 27.059.561 |
| Phải trả các nhà cung cấp khác | 3.475.752.786 | 3.180.877.041 |
| Các nhà cung cấp khác | 3.475.752.786 | 3.180.877.041 |
| Cộng | <u>22.916.603.289</u> | <u>18.307.096.074</u> |

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| Trả trước của các bên liên quan | - | 229.510 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình | - | 229.510 |
| Trả trước của các khách hàng khác | 2.374.517.358 | 1.634.516.796 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Petrol Bình Phước | 842.640.000 | - |
| Công ty TNHH MTV Thương mại Hòa Trang | 500.000.000 | - |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Phát triển Hoàng Sơn - Quy Nhơn | - | 552.250.000 |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Miền núi Gia Lai | - | 380.490.000 |
| Công ty TNHH Thương Hoan | - | 266.240.000 |
| Công ty TNHH Đình Phát | - | 239.490.000 |
| Các khách hàng khác | 1.031.877.358 | 196.046.796 |
| Cộng | <u>2.374.517.358</u> | <u>1.634.746.306</u> |

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số phải nộp trong năm</u> | <u>Số đã thực nộp trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|----------------------------------|------------------------------|-------------------------------|---------------------------------|------------------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 4.981.687.968 | 51.885.209.358 | (49.056.615.415) | 7.810.281.911 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.752.471.141 | 4.985.155.111 | (5.213.665.627) | 1.523.960.625 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 30.034.642 | 460.345.489 | (458.763.557) | 31.616.574 |
| Tiền thuê đất | - | 349.526.780 | (349.526.780) | - |
| Thuế bảo vệ môi trường | 39.023.585.452 | 461.790.185.677 | (458.553.528.992) | 42.260.242.137 |
| Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp | - | 16.630.123 | (16.630.123) | - |
| Thuế tài nguyên | - | 9.408.000 | (9.408.000) | - |
| Các loại thuế khác | - | 66.203.856 | (66.203.856) | - |
| Cộng | <u>45.787.779.203</u> | <u>519.562.664.394</u> | <u>(513.724.342.350)</u> | <u>51.626.101.247</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo quy định tại Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015, Thông tư số 78/2014/TT-BTC và Thông tư số 96/2015/TT-BTC sửa đổi một số điều Thông tư số 78/2014/TT-BTC, Công ty được hưởng ưu đãi thuế TNDN đối với 08 cửa hàng đầu tư mới trên địa bàn có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn và khó khăn:

- Các cửa hàng xăng dầu Hòa Trị, Phú Ân, Ân Niên, Hòa Định Tây tại huyện Phú Hòa - tỉnh Phú Yên; cửa hàng xăng dầu Sông Hình tại huyện Sông Hình - tỉnh Phú Yên; cửa hàng xăng dầu Xuân Quang tại huyện Đồng Xuân - tỉnh Phú Yên thuộc địa bàn kinh tế đặc biệt khó khăn với ưu đãi thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm và miễn thuế bốn năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong chín năm tiếp theo. Cửa hàng xăng dầu Hòa Trị được hưởng ưu đãi thuế miễn thuế từ năm 2017; cửa hàng xăng dầu Ân Niên, Phú Ân và Sông Hình được hưởng ưu đãi miễn thuế từ năm 2018; cửa hàng xăng dầu Hòa Định Tây và Xuân Quang được hưởng ưu đãi miễn thuế từ năm 2019.
- Cửa hàng xăng dầu An Nghiệp tại huyện Tuy An - tỉnh Phú Yên, cửa hàng xăng dầu Hòa Vinh 3 tại huyện Đông Hòa - tỉnh Phú Yên thuộc địa bàn kinh tế khó khăn với ưu đãi thuế suất 17% trong thời hạn 10 năm và miễn thuế hai năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong bốn năm tiếp theo. Cửa hàng xăng dầu An Nghiệp hưởng ưu đãi miễn thuế từ năm 2017. Cửa hàng xăng dầu Hòa Vinh 3 hưởng ưu đãi miễn thuế từ năm 2018.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--|----------------------|----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 21.067.530.474 | 11.623.621.466 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng khác | 9.516.551.733 | 3.725.662.359 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | (2.258.467.658) | (1.282.170.389) |
| Thu nhập chịu thuế | 28.325.614.549 | 14.067.113.436 |
| Thu nhập được miễn thuế | (1.591.200.000) | (1.684.800.000) |
| Thu nhập tính thuế | 26.734.414.549 | 12.382.313.436 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông | 5.346.882.910 | 2.476.462.687 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông | (195.353.471) | (40.953.507) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm | (233.848.969) | (183.038.039) |
| Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm trước | 67.474.641 | 205.360.728 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp | 4.985.155.111 | 2.457.831.869 |



CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng theo thông báo của cơ quan thuế.

Thuế bảo vệ môi trường

Công ty phải nộp thuế bảo vệ môi trường với mức thuế cho từng mặt hàng như sau:

| Loại hàng hóa | Đơn giá (VND/lít) |
|---------------------|-------------------|
| - Dầu diesel | 2.000 |
| - Xăng, trừ ethanol | 4.000 |

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Phải trả người lao động

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------|----------------------|----------------------|
| Tiền lương phải trả | 9.262.064.034 | 8.096.385.664 |
| Cộng | 9.262.064.034 | 8.096.385.664 |

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 500.000.000 | 222.637.558 |
| Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Chi phí sử dụng nhãn hiệu PVN | 500.000.000 | 222.637.558 |
| Phải trả các tổ chức và cá nhân khác | 2.438.910.298 | 1.745.625.849 |
| Chi phí sửa chữa, thay thế | 2.168.166.298 | 1.498.437.849 |
| Chi phí ăn ca | 198.744.000 | 202.188.000 |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác | 72.000.000 | 45.000.000 |
| Cộng | 2.938.910.298 | 1.968.263.407 |

18. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là số tiền trả trước về cho thuê tài sản tại cửa hàng xăng dầu Khánh Lê.

19. Phải trả ngắn hạn khác

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|--------------------|--------------------|
| Cổ tức phải trả | 102.865.150 | 104.359.750 |
| Tiền bảo hành phải trả các đơn vị cung cấp | 349.729.411 | 440.501.016 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 79.176.550 | 136.623.950 |
| Cộng | 531.771.111 | 681.484.716 |

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Vay ngắn hạn/dài hạn

20a. Vay ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|----------------------|-------------------|
| Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b) | 1.557.400.801 | - |
| Cộng | 1.557.400.801 | - |

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

| | <u>Số tiền (VND)</u> |
|---------------------------|----------------------|
| Số đầu năm | - |
| Kết chuyển từ vay dài hạn | 1.557.400.801 |
| Số cuối năm | 1.557.400.801 |

20b. Vay dài hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Yên ⁽ⁱ⁾ | 9.999.000.000 | 9.999.000.000 |
| Vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Phú Yên ⁽ⁱⁱ⁾ | 10.000.000.000 | - |
| Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Phú Yên ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 6.530.257.957 | 606.668.000 |
| Vay Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh tỉnh Phú Yên ^(iv) | 934.048.560 | - |
| Cộng | 27.463.306.517 | 10.605.668.000 |

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Yên với lãi suất 6,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo thanh toán bằng việc bên vay sẽ sử dụng doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của mình để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ vay tại ngân hàng.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Phú Yên với lãi suất 6%/năm. Khoản vay này được đảm bảo thanh toán bằng việc sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay để thế chấp đảm bảo nghĩa vụ trả nợ tại ngân hàng.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh tỉnh Phú Yên theo các hợp đồng tín dụng sau:
- Hợp đồng tín dụng số 4600-LAV-202002050 ngày 21 tháng 8 năm 2020 để sửa chữa giai đoạn 2 đường vào Kho xăng dầu Vũng Rô thuộc công trình sửa chữa, nâng cấp đường vào kho xăng dầu Vũng Rô với lãi suất được tính bằng lãi suất huy động tiết kiệm dân cư 12 tháng trả lãi sau + biên độ 2,8%/năm, thời hạn vay là 60 tháng.
 - Hợp đồng tín dụng số 4600-LAV-202100276 ngày 19 tháng 01 năm 2021 để đầu tư xây dựng mới cửa hàng xăng dầu Đông La Hai với lãi suất được tính bằng lãi suất huy động tiết kiệm dân cư 13 tháng trả lãi sau + biên độ 2,9%/năm, thời hạn vay là 132 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Hợp đồng tín dụng số 4600-LAV-202100468 ngày 08 tháng 02 năm 2021 để mua lưu lượng kế 4” với lãi suất được tính bằng lãi suất huy động tiết kiệm dân cư 13 tháng trả lãi sau + biên độ 2,9%/năm, thời hạn vay là 36 tháng.
- Hợp đồng tín dụng số 4600-LAV-202100493 ngày 09 tháng 02 năm 2021 để mua cần xuất xăng dầu 4” tại kho xăng dầu Vũng Rô với lãi suất được tính bằng lãi suất huy động tiết kiệm dân cư 13 tháng trả lãi sau + biên độ 2,9%/năm, thời hạn vay là 36 tháng.
- Hợp đồng tín dụng số 4600-LAV-202100954 ngày 20 tháng 4 năm 2021 để đầu tư sửa chữa phần còn lại đường vào kho xăng dầu Vũng Rô thuộc công trình sửa chữa, nâng cấp đường vào kho xăng dầu Vũng Rô với lãi suất được tính bằng lãi suất huy động tiết kiệm dân cư 13 tháng trả lãi sau + biên độ 2,9%/năm, thời hạn vay là 120 tháng.
- Hợp đồng tín dụng số 4600-LAV-202101648 ngày 12 tháng 07 năm 2021 để đầu tư sửa chữa, bảo dưỡng 4 pha neo đậu tại Cảng Vũng Rô, với lãi suất được tính bằng lãi suất huy động tiết kiệm dân cư 13 tháng trả lãi + biên độ 2,9%/năm, thời hạn vay là 60 tháng.
- Hợp đồng tín dụng số 4600-LAV-202102253 ngày 04 tháng 10 năm 2021 để trả tiền thuê cửa hàng xăng dầu IaPa tại địa chỉ: Thôn Ma Rin 3, xã Ia Mron, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai, với lãi suất được tính bằng lãi suất huy động tiết kiệm dân cư 13 tháng trả lãi sau + biên độ 2,9%/năm, thời hạn vay là 48 tháng

Các khoản vay nêu trên được đảm bảo thanh toán bằng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ thôn Phú Vang, xã Bình Kiến, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; thôn Nguyễn An, xã Sơn Nguyên, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên; khu phố 10, thị trấn Hai Riêng, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên.

- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh tỉnh Phú Yên theo hợp đồng tín dụng số 202125992832 ngày 09 tháng 02 năm 2021 để đầu tư cửa hàng xăng dầu Sơn Long với lãi suất ba tháng đầu tiên là 8,15%/năm cho lần giải ngân đầu tiên, các lần giải ngân sau lãi suất được xác định tại thời điểm giải ngân và được ghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ, thời hạn vay là 60 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 067402, số vào sổ cấp GCN: CT 04090 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên cấp ngày 15/10/2018 tại địa chỉ Khu phố 2, thị trấn Hòa Vinh, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

Thông tin về tài sản thế chấp trình bày tại thuyết minh số V.7, V.8 và V.9.

Các khoản vay có kỳ hạn thanh toán từ 1 đến 5 năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Số đầu năm | 10.605.668.000 | 10.000.000.000 |
| Số tiền vay trong năm | 29.319.935.808 | 650.000.000 |
| Số tiền đã trả trong năm | (10.904.896.490) | (44.332.000) |
| Kết chuyển sang vay ngắn hạn | (1.557.400.801) | |
| Số cuối năm | <u>27.463.306.517</u> | <u>10.605.668.000</u> |

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến khoản dự phòng rủi ro bồi thường thiệt hại về môi trường. Chi tiết phát sinh như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 2.814.689.565 | 2.233.508.492 |
| Tăng do trích lập | 834.201.979 | 581.181.073 |
| Số sử dụng | (657.523.635) | - |
| Số cuối năm | 2.991.367.909 | 2.814.689.565 |

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | Quỹ khen thưởng | Quỹ phúc lợi | Quỹ thưởng người quản lý | Cộng |
|---------------------------------------|--------------------|----------------------|-----------------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 158.005.308 | 1.758.486.149 | - | 1.916.491.457 |
| Trích quỹ từ lợi nhuận năm 2020 | 420.333.958 | 1.118.557.293 | 205.200.000 | 1.744.091.251 |
| Tạm trích quỹ từ lợi nhuận năm nay | 1.239.738.049 | 1.239.738.049 | - | 2.479.476.098 |
| Chi quỹ trong năm | (1.752.466.934) | (3.023.386.668) | (205.200.000) | (4.981.053.602) |
| Số cuối năm | 65.610.381 | 1.093.394.823 | - | 1.159.005.204 |

23. Vốn chủ sở hữu

23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|---|---------------------------|--------------------------|---|------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 82.400.000.000 | 29.436.293.986 | 17.182.118.572 | 129.018.412.558 |
| Trích bổ sung quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2019 | - | 4.596.322.670 | (4.596.322.670) | - |
| Trích bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2019 | - | - | (3.393.150.443) | (3.393.150.443) |
| Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2019 | - | - | (4.120.000.000) | (4.120.000.000) |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | 9.769.258.342 | 9.769.258.342 |
| Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm trước | - | - | (698.223.335) | (698.223.335) |
| Số dư cuối năm trước | 82.400.000.000 | 34.032.616.656 | 14.143.680.466 | 130.576.297.122 |
| Số dư đầu năm nay | 82.400.000.000 | 34.032.616.656 | 14.143.680.466 | 130.576.297.122 |
| Trả cổ tức bằng cổ phiếu | 4.119.260.000 | - | (4.119.260.000) | - |
| Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2020 | - | 2.442.314.586 | (2.442.314.586) | - |
| Trích bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2020 | - | - | (1.744.091.251) | (1.744.091.251) |
| Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2020 | - | - | (5.623.751.900) | (5.623.751.900) |
| Lợi nhuận trong năm nay | - | - | 16.849.242.651 | 16.849.242.651 |
| Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm nay | - | - | (2.479.476.098) | (2.479.476.098) |
| Số dư cuối năm nay | 86.519.260.000 | 36.474.931.242 | 14.584.029.282 | 137.578.220.524 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đã thông qua phương án chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 5% mệnh giá. Ngày 19 tháng 01 năm 2021, Công ty đã hoàn thành việc chia cổ tức bằng cổ phiếu với số lượng cổ phiếu đã phân phối là 411.926 cổ phiếu, tương ứng 4.119.260.000 VND.

Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 9 ngày 17 tháng 02 năm 2021 do tăng vốn điều lệ từ 82.400.000.000 VND lên thành 86.519.260.000 VND, chi tiết vốn góp theo cổ đông như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP | 58.079.280.000 | 55.313.600.000 |
| Ông Đỗ Tiến Cường | 7.651.450.000 | 7.287.100.000 |
| Ông Nguyễn Văn Mạnh | 5.182.000.000 | - |
| Bà Lê Thị Liên | 5.381.350.000 | 5.125.100.000 |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu Khí | - | 5.140.370.000 |
| Các cổ đông khác | 10.225.180.000 | 9.533.830.000 |
| Cộng | 86.519.260.000 | 82.400.000.000 |

23c. Cổ phiếu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------|-------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 8.651.926 | 8.240.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 8.651.926 | 8.240.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 8.651.926 | 8.240.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 8.651.926 | 8.240.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 8.651.926 | 8.240.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2019 và năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 ngày 23 tháng 4 năm 2021 như sau:

| | Số được phân phối | Số đã trích trong năm trước | Số trích trong năm nay |
|---|-------------------|-----------------------------|------------------------|
| • Chia cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận năm 2019 | 4.119.260.000 | - | 4.119.260.000 |
| • Chia cổ tức bằng tiền | 5.623.751.900 | - | 5.623.751.900 |
| • Trích quỹ đầu tư phát triển | 2.442.314.586 | - | 2.442.314.586 |
| • Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | 2.442.314.586 | 698.223.335 | 1.744.091.251 |



CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngoài ra, Công ty còn tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận trong năm nay với số tiền 2.479.476.098 VND.

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

24a. Tài sản nhận giữ hộ

| | Số lượng (lít) |
|--|----------------|
| <i>Hàng hóa, nguyên liệu nhận giữ hộ</i> | |
| - Ethanol (E100) | 77.267 |
| - Xăng các loại | 4.597.500 |
| - Dầu các loại | 1.817.918 |

24b. Nợ khó đòi đã xử lý

Nợ khó đòi đã xử lý tại ngày cuối năm là 86.732.900 VND (số đầu năm là 66.572.050 VND). Công ty xử lý các khoản nợ này do không có khả năng thu hồi.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa | 2.014.444.223.617 | 1.458.507.394.391 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 15.968.576.367 | 14.797.601.027 |
| Cộng | 2.030.412.799.984 | 1.473.304.995.418 |

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.11, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--|----------------------|----------------------|
| <i>Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP</i> | <i>2.018.618.038</i> | <i>3.909.422.754</i> |
| Bán hàng hóa | 1.566.390 | 630.545 |
| Cung cấp dịch vụ | 2.017.051.648 | 3.908.792.209 |
| <i>Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội</i> | <i>9.689.090.909</i> | <i>5.621.150</i> |
| Bán hàng hóa | 9.689.090.909 | - |
| Cung cấp dịch vụ | - | 5.621.150 |
| <i>Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng</i> | <i>6.221.756.586</i> | <i>1.394.546.231</i> |
| Bán hàng hóa | 6.218.181.818 | 1.375.529.727 |
| Cung cấp dịch vụ | 3.574.768 | 19.016.504 |
| <i>Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức</i> | <i>5.634.260.925</i> | - |
| Bán hàng hóa | 5.634.260.925 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|----------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu | 3.296.851.556 | 12.363.064.013 |
| Bán hàng hóa | 1.902.727.273 | 11.301.854.545 |
| Cung cấp dịch vụ | 1.394.124.283 | 1.061.209.468 |
| Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP (Petec) | 3.259.358.398 | 1.439.283.625 |
| Bán hàng hóa | 1.114.545.455 | - |
| Cung cấp dịch vụ | 2.144.812.943 | 1.439.283.625 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh | 2.587.357.443 | 1.007.636.364 |
| Bán hàng hóa | 2.537.272.727 | 1.007.636.364 |
| Cung cấp dịch vụ | 50.084.716 | - |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV OIL Miền Trung | 2.048.751.445 | 3.083.924.386 |
| Bán hàng hóa | - | 1.584.909.091 |
| Cung cấp dịch vụ | 2.048.751.445 | 1.499.015.295 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận | 1.636.316.880 | 4.653.495.929 |
| Bán hàng hóa | 1.317.272.727 | 4.400.454.546 |
| Cung cấp dịch vụ | 319.044.153 | 253.041.383 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thừa Thiên Huế | 583.103.720 | 4.015.346.972 |
| Bán hàng hóa | 521.363.636 | 3.919.727.272 |
| Cung cấp dịch vụ | 61.740.084 | 95.619.700 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn | 381.655.379 | 31.327.851 |
| Cung cấp dịch vụ | 194.753.543 | 31.327.851 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa | 87.554.145 | 11.835.568 |
| Bán hàng hóa | 68.929.818 | - |
| Cung cấp dịch vụ | 18.624.327 | 11.835.568 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng | 5.896.773 | 18.754.034 |
| Cung cấp dịch vụ | 5.896.773 | 18.754.034 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình | - | 2.345.395 |
| Cung cấp dịch vụ | - | 2.345.395 |
| 2. Giá vốn hàng bán | | |
| Là giá vốn của hàng hóa đã bán | | |
| 3. Doanh thu hoạt động tài chính | | |
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 29.864.883 | 13.558.387 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 1.591.200.000 | 1.684.800.000 |
| Tiền thưởng nhận được do thanh toán trước hạn | 1.863.072.286 | 1.455.633.892 |
| Cộng | 3.484.137.169 | 3.153.992.279 |



CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

Là chi phí lãi vay trong năm.

5. Chi phí bán hàng

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 39.619.659.482 | 36.153.873.518 |
| Chi phí vật liệu, bao bì | 228.238.860 | 135.280.193 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 3.821.203.751 | 3.393.007.827 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 6.316.273.983 | 5.659.298.427 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 35.400.435.699 | 31.034.238.448 |
| - Phí vận chuyển xăng dầu | 14.552.046.941 | 13.138.253.613 |
| - Tiền thuê đất | 5.879.877.005 | 5.928.521.604 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài khác | 14.968.511.753 | 11.967.463.231 |
| Các chi phí khác | 4.052.110.905 | 7.263.258.488 |
| Cộng | 89.437.922.680 | 83.638.956.901 |

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 12.045.620.147 | 9.858.597.534 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 413.331.982 | 452.594.557 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 672.522.078 | 121.702.730 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.241.912.916 | 1.109.072.562 |
| Thuế, phí và lệ phí | 133.896.376 | 150.552.317 |
| Dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường | 1.053.376.524 | 581.181.073 |
| Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi | (911.306.492) | (868.304.019) |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 4.357.360.883 | 3.776.048.986 |
| Các chi phí khác | 7.694.973.013 | 3.613.916.987 |
| Cộng | 26.701.687.427 | 18.795.362.727 |

7. Thu nhập khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|----------------------|----------------------|
| Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | - | 131.818.182 |
| Xử lý kết quả kiểm kê | 5.498.458.629 | 3.574.089.766 |
| Thu nhập từ bảo hiểm bồi thường giá trị con đường đã xử lý | 1.080.768.533 | - |
| Tiền thưởng nhận được do thanh toán trước hạn | - | 543.659.417 |
| Các khoản thu nhập khác | 263.928.413 | 329.137.118 |
| Cộng | 6.843.155.575 | 4.578.704.483 |

8. Chi phí khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------|--------------------|--------------------|
| Thù lao Hội đồng quản trị | 188.250.000 | 186.000.000 |
| Chi phí khác | 104.202.432 | - |
| Cộng | 292.452.432 | 186.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

| | Năm nay | Năm trước |
|--|----------------------|----------------------|
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 330.875.017 | 75.303.168 |
| Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ | (1.097.742.305) | (678.771.913) |
| Cộng | (766.867.288) | (603.468.745) |

10. Lãi trên cổ phiếu

11a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

| | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------------|-----------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 16.849.242.651 | 9.769.258.342 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | (2.479.476.098) | (2.442.314.586) |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 14.369.766.553 | 7.326.943.756 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 8.651.926 | 8.651.926 |
| Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 1.661 | 847 |

11b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 1.048 VND xuống còn 847 VND.

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Năm nay | Năm trước |
|--|------------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 5.135.296.671 | 4.102.585.307 |
| Chi phí nhân công | 51.665.279.629 | 46.012.471.052 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 7.558.186.899 | 6.768.370.989 |
| Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi | (911.306.492) | (868.304.019) |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 39.757.796.582 | 34.810.287.434 |
| Chi phí khác | 12.934.356.818 | 11.608.908.865 |
| Cộng | 116.139.610.107 | 102.434.319.628 |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

| | Tiền lương | Thưởng | Thù lao | Thu nhập khác | Cộng thu nhập |
|---|----------------------|--------------------|--------------------|--------------------|----------------------|
| Năm nay | | | | | |
| Hội đồng quản trị (Thành viên không chuyên trách và thành viên độc lập) | - | 74.000.000 | 186.000.000 | 24.611.111 | 284.611.111 |
| Ban điều hành (Giám đốc, 02 Phó Giám đốc và Kế toán trưởng) | 2.219.271.574 | 139.607.243 | 101.250.000 | 311.572.556 | 2.771.701.373 |
| Ban Kiểm soát (Trưởng ban kiểm soát và 01 Kiểm soát viên) | 541.417.835 | 25.832.757 | 17.500.000 | 63.534.000 | 648.284.592 |
| Cộng | 2.760.689.409 | 239.440.000 | 304.750.000 | 399.717.667 | 3.704.597.076 |
| Năm trước | | | | | |
| Hội đồng quản trị (Thành viên không chuyên trách và thành viên độc lập) | - | 136.000.000 | 186.000.000 | - | 322.000.000 |
| Ban điều hành (Giám đốc, 02 Phó Giám đốc và Kế toán trưởng) | 2.231.684.717 | 233.285.439 | 108.000.000 | 73.105.000 | 2.646.075.156 |
| Ban Kiểm soát (Trưởng ban kiểm soát và 01 Kiểm soát viên) | 576.184.886 | 51.783.670 | 26.984.000 | 21.707.000 | 676.659.556 |
| Cộng | 2.807.869.603 | 421.069.109 | 320.984.000 | 94.812.000 | 3.644.734.712 |

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| Bên liên quan khác | Mối quan hệ |
|--|---------------------------------|
| Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP | Công ty mẹ |
| Chi nhánh Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP tại Quảng Ngãi | Chi nhánh trực thuộc Công ty mẹ |
| Chi nhánh Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP - Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Miền Đông | Chi nhánh trực thuộc Công ty mẹ |
| Chi nhánh Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP - Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè | Chi nhánh trực thuộc Công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận | Công ty có cùng công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn | Công ty có cùng công ty mẹ |

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| Bên liên quan khác | Mối quan hệ |
|---|---------------------------------|
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu | Công ty có cùng công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng | Công ty có cùng công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa | Công ty có cùng công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh | Công ty có cùng công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức | Công ty có cùng công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng | Công ty có cùng công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình | Công ty có cùng công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội | Công ty có cùng công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thừa Thiên Huế | Công ty có cùng công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV OIL Miền Trung | Công ty có cùng công ty mẹ |
| Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP (Petec) | Công ty có cùng công ty mẹ |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL tại Đà Nẵng | Công ty có cùng công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL | Công ty có cùng công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông | Công ty có cùng công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Phú Yên | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Điều Phú Yên | Công ty liên kết của công ty mẹ |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.11 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--|-------------------|-------------------|
| Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP | | |
| Chi trả cổ tức trong năm | 3.775.153.200 | 2.765.680.000 |
| Phí dịch vụ | 930.225.198 | 891.684.572 |
| Mua hàng hóa xăng dầu | 1.876.064.168.194 | 1.359.551.836.097 |
| Tiền thưởng nhận được do thanh toán trước hạn | 1.863.072.286 | 1.999.293.309 |
| Tiền thưởng hỗ trợ sản lượng | - | 175.795.677 |
| Chi nhánh Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP tại Quảng Ngãi | | |
| Phí dịch vụ | 527.278.873 | 470.329.293 |
| Chi nhánh Tổng công ty Dầu Việt Nam - Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Miền Đông | | |
| Phí/(Điều chỉnh giảm) phí dịch vụ | (17.670.948) | 63.615.246 |
| Chi nhánh Tổng công ty Dầu Việt Nam - Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Nhà bè | | |
| Phí dịch vụ | 50.553.886 | 23.657.962 |
| Chi nhánh Tổng công ty Dầu Việt Nam - Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Đình Vũ | | |
| Phí dịch vụ | 13.141.350 | - |



CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|----------------|------------------|
| Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP (Petec) | | |
| Mua xăng dầu | 721.994.818 | 5.757.801.364 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu | | |
| Mua xăng dầu | - | 5.045.363.637 |
| Phí dịch vụ | 531.137 | 398.455 |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV OIL tại Đà Nẵng | | |
| Mua xăng dầu | 2.943.153.636 | 2.932.336.382 |
| Công ty Cổ phần Điều Phú Yên | | |
| Nhận thanh toán lãi vay | 1.000.000.000 | 1.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn | | |
| Mua xăng dầu | 14.855.454.545 | 868.000.000 |
| Phí dịch vụ | 8.045.910 | 8.831.629 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thừa Thiên Huế | | |
| Mua xăng dầu | 3.186.545.455 | 824.454.545 |
| Phí dịch vụ | - | 7.000.228 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận | | |
| Mua xăng dầu | 16.000.999.999 | 540.272.729 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVoil Miền Trung | | |
| Mua xăng dầu | - | 329.454.545 |
| Phí dịch vụ | 38.865.200 | 24.566.074 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thụ Đức | | |
| Phí dịch vụ | 80.151.736 | 57.738.479 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội | | |
| Phí dịch vụ | 44.770.090 | 35.965.902 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng | | |
| Phí dịch vụ | 36.468.819 | 27.743.643 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa | | |
| Phí dịch vụ | 9.434.366 | 4.167.861 |
| Công ty Cổ phần Dầu Khí Mê Kông | | |
| Phí dịch vụ | 6.811.910 | 1.512.409 |



CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|----------------|------------------|
| <i>Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ</i> Phí dịch vụ | 49.636 | - |
| <i>Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình</i> Phí dịch vụ | 534.819 | - |
| <i>Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (Petec) - CTCP - Xí nghiệp Xăng dầu Petec Hải Phòng</i> Phí dịch vụ | 9.433.500 | - |

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thị trường.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.3, V.4, V.13, V.14, V.17 và V.19.


2. Thông tin về bộ phận


Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh xăng dầu và trong khu vực địa lý chính là lãnh thổ Việt Nam.


3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Phú Yên, ngày 09 tháng 02 năm 2022


Trịnh Thương Huyền
Người lập biểu


Nguyễn Thị Hồng Phương
Kế toán trưởng


Ngô Văn Nhiệm
Giám đốc

